

Màn hình Alienware AW5520QF

Hướng Dẫn Người Sử Dụng

Dòng máy: AW5520QF
Dòng máy theo quy định: AW5520QFb

A L I E N W A R E™ 

Chú ý, thận trọng và cảnh báo

-  **CHÚ Ý:** Thông tin **CHÚ Ý** cho biết thông tin quan trọng giúp bạn tận dụng tốt hơn máy tính của bạn.
-  **THẬN TRỌNG:** Thông tin **THẬN TRỌNG** chỉ báo khả năng hư hại đến phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu không làm theo các hướng dẫn.
-  **CẢNH BÁO:** Thông tin **CẢNH BÁO** chỉ báo tiềm ẩn bị hư hỏng tài sản, bị thương hoặc tử vong.

© 2019-2020 Dell Inc. hoặc các công ty con của nó. Mọi quyền được bảo lưu. Dell, EMC, và các thương hiệu khác là thương hiệu của Dell Inc. hoặc các công ty con của Dell. Tất cả các thương hiệu khác có thể là tài sản của chủ sở hữu tương ứng.

Nội dung

Thông Tin Về Màn Hình Của Bạn	6
Thành phần trong hộp	6
Tính năng sản phẩm	8
Nhận biết các bộ phận và điều khiển	9
Nhìn từ phía trước	9
Hình chiếu từ trên	10
Nhìn từ sau	11
Nhìn từ dưới	12
Nhìn từ phía bên	13
Thông số màn hình	14
Thông số độ phân giải	15
Chế độ video được hỗ trợ	15
Chế độ hiển thị cài sẵn	16
Thông số điện	18
Thông Số Loa	19
Đặc Điểm Vật Lý	19
Đặc Tính Môi Trường	20
Chỉ định chân	21
Khả Năng Cắm và Chạy	22
Giao Diện Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)	23
Đầu nối USB kết nối máy tính	23
Đầu nối USB kết nối thiết bị ngoại vi	24
Cổng USB	24
Chính sách điểm ảnh và chất lượng màn hình OLED	24
Hướng Dẫn Bảo Trì	25
Vệ Sinh Màn Hình	25

Lắp đặt màn hình	26
Lắp chân đế	26
Gắn bộ chuyển đổi VESA	34
Kết nối máy tính.	36
Điều khiển từ xa.	37
Lắp pin vào điều khiển từ xa	38
Thao tác với điều khiển từ xa.	39
Phạm vi hoạt động của điều khiển từ xa.	39
Sử dụng màn hình	40
Bật nguồn màn hình	40
Sử dụng điều khiển trên bảng điều khiển trước	40
Nút bảng điều khiển phía trước.	41
Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD).	42
Truy cập hệ thống menu	42
Thông báo cảnh báo OSD	56
Cài đặt độ phân giải tối đa	61
Yêu cầu để xem hoặc phát lại nội dung HDR	61
Sử dụng ứng dụng AlienFX	63
Điều kiện tiên quyết.	63
Cài đặt AWCC thông qua bản cập nhật Windows.	63
Cài đặt AWCC từ trang web Hỗ trợ của Dell	63
Điều hướng cửa sổ AlienFX.	64
Tạo chủ đề	66
Thiết lập hiệu ứng ánh sáng.	67
Xử lý sự cố	70
Tự kiểm tra	70
Chẩn đoán tích hợp.	71
Vấn Đề Thường Gặp	72
Vấn Đề Cụ Thể Theo Sản Phẩm	74

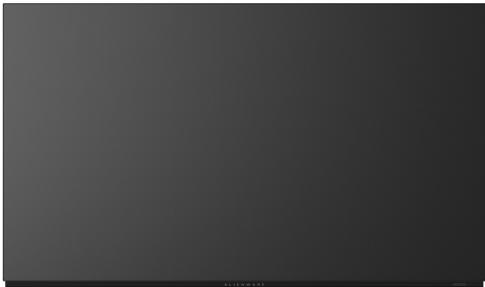
Vấn Đề Củ Thở Với Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)	75
Phụ Lục	77
Thông Báo FCC (Chỉ U.S) Và Thông Tin Quy Định Khác	77
Liên hệ với Dell	77
Cơ sở dữ liệu bảng thông tin sản phẩm và nhãn năng lượng của sản phẩm EU	77

Thông Tin Về Màn Hình Của Bạn

Thành phần trong hộp

Màn hình của bạn có các phụ kiện đi kèm được nêu dưới đây. Nếu có thành phần nào bị thiếu, hãy liên hệ bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của Dell. Để biết thêm thông tin, xem [Liên hệ với Dell](#).

CHÚ Ý: Một số thành phần có thể là tùy chọn và có thể không được giao kèm với màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc nội dung đa phương tiện có thể không có ở một số nước.

Hình ảnh thành phần	Mô tả thành phần
	Màn hình
	Chân đế
	Giá treo cho chân đế
	Bộ chuyển đổi VESA

	<p>Vít (M4) x 10 (4 để khóa chân đế vào giá đỡ hoặc lắp bộ chuyển đổi VESA; 6 để lắp ráp chân đế)</p>
	<p>Điều khiển từ xa và pin (AAA x 2)</p>
	<p>Cáp nguồn (khác nhau tùy theo quốc gia)</p>
	<p>Cáp DisplayPort (DisplayPort to DisplayPort)</p>
	<p>Cáp HDMI</p>
	<p>Cáp USB 3.0 kết nối máy tính (lắp cổng USB trên màn hình)</p>
	<ul style="list-style-type: none"> • Hướng Dẫn Cài Đặt Nhanh • Thông Tin An Toàn, Môi Trường Và Quy Định • Thư chào mừng Alienware

Tính năng sản phẩm

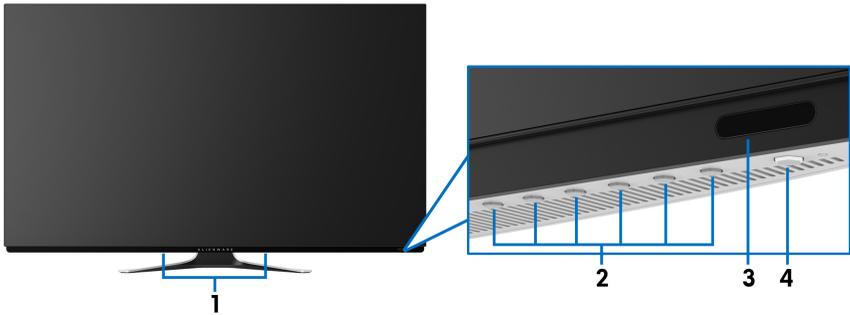
Màn hình **Alienware AW5520QF** có Active Matrix Organic Light Emitting Diode (AMOLED) sử dụng Oxide Thin Film Transistor làm thành phần chuyển mạch. Tính năng màn hình gồm có:

- Vùng nhìn được là 138,78 cm (54,6 inch) (đo chéo).
Độ phân giải: Lên tới 3840 x 2160, qua cổng DisplayPort và HDMI, có thể hỗ trợ toàn màn hình hoặc độ phân giải thấp hơn, hỗ trợ tốc độ làm mới cực cao 120 Hz với DisplayPort và 60 Hz với HDMI.
- AMD FreeSync™ Premium Technology giảm thiểu tình trạng méo hình như xé và gián đoạn màn hình để có lối chơi mượt mà và liền mạch hơn.
- Hỗ trợ tốc độ làm rất cao 120 Hz và thời gian phản ứng nhanh 0,5 ms.
- Gam màu 98,5% DCI-P3.
- Giá đỡ có thể tháo rời và các lỗ lắp Video Electronics Standards Association (VESA™) (200 mm x 200 mm & 300 mm x 200 mm) qua bộ chuyển đổi VESA mang đến giải pháp treo lắp linh hoạt.
- Kết nối kỹ thuật số thông qua 1 cổng DisplayPort và 3 cổng HDMI.
- Được trang bị 1 cổng USB kết nối máy tính và 4 cổng USB kết nối thiết bị ngoại vi.
- Khả năng cắm và chạy nếu được hệ thống của bạn hỗ trợ.
- Điều chỉnh được Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng thiết lập và tối ưu hóa màn hình.
- AW5520QF có một số chế độ thiết lập sẵn bao gồm cả FPS (Bắn góc nhìn thứ nhất), MOBA/RTS (Đấu trường Trực tuyến Nhiều người chơi/Chiến lược thời gian thực) và RPG (Trò chơi nhập vai), SPORTS (Đua xe) và ba chế độ game để tùy bạn lựa chọn. Ngoài ra, các tính năng chơi game nâng cao chính như Timer (Hẹn giờ), Frame Rate (Tốc Độ Khuôn Hình) và Display Alignment (Cân Chính Màn Hình) được cung cấp để nâng cao hiệu suất của game thủ và mang đến lợi thế chơi game tốt nhất.
- ≤ 0,3 W trong Chế Độ Chờ.
- Tối ưu khả năng làm dịu mắt với màn hình không nhấp nháy.

⚠ CẢNH BÁO: Hiệu ứng lâu dài có thể có của tia sáng xanh từ màn hình có thể gây hại cho mắt, như làm mờ, mỏi mắt do kỹ thuật số và vân vân. Tính năng **ComfortView** được thiết kế để giảm lượng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình, để làm dịu mắt đến mức tối ưu.

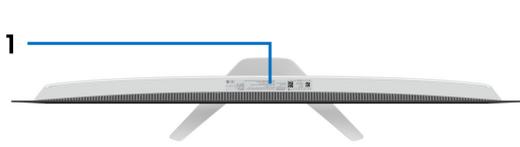
Nhận biết các bộ phận và điều khiển

Nhìn từ phía trước



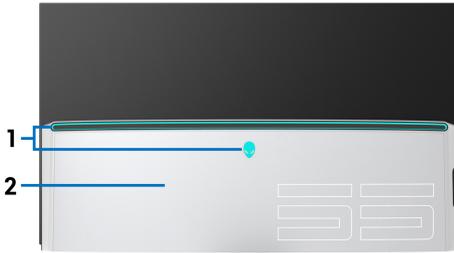
Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Loa tích hợp	Cho phép nghe nội dung âm thanh phát từ loa.
2	Nút chức Năng	Để biết thêm thông tin, hãy xem Sử dụng màn hình .
3	Thấu kính IR	Để nhận tín hiệu ánh sáng hồng ngoại được gửi từ điều khiển từ xa (đi kèm với màn hình).
4	Nút Bật/Tắt nguồn (có chỉ báo đèn LED)	Bật hoặc tắt màn hình. Đèn xanh lam liên tục cho biết màn hình được bật và hoạt động bình thường. Đèn trắng nhấp nháy cho biết màn hình ở Chế độ chờ.

Hình chiếu từ trên

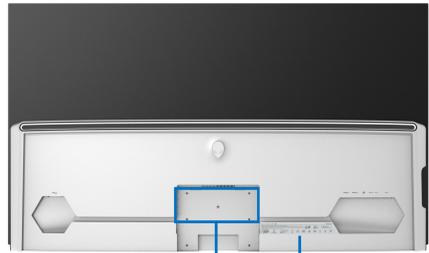


Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Mã vạch, số sê-ri và nhãn Thẻ dịch vụ	Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật.

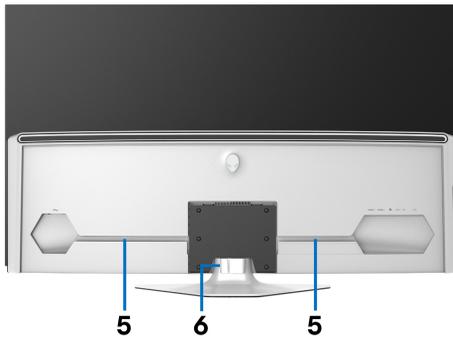
Nhìn từ sau



Nhìn từ sau với nắp I/O



Nhìn từ sau không có nắp I/O



Nhìn từ sau có chân đế

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Đèn LED AlienFX	Logo Alienware và dải đèn LED có thể sáng. Để thay đổi cài đặt mặc định, xem AlienFX Lighting (Ánh sáng AlienFX) .
2	Nắp I/O	Bảo vệ các cổng I/O.
3	Các lỗ lắp bộ chuyển đổi VESA và chân đế	Để lắp chân đế hoặc bộ chuyển đổi VESA (200 mm x 200 mm & 300 mm x 200 mm).
4	Nhãn quy định	Liệt kê các phê chuẩn theo quy định.

5	Rãnh gom cáp	Để sắp xếp dây cáp gọn gàng.
6	Khe gom cáp	

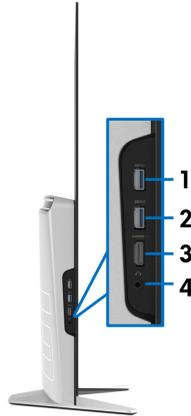
Nhìn từ dưới



Nhìn từ dưới không có chân đế

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Đầu nối nguồn	Kết nối cáp nguồn (đi kèm với màn hình của bạn).
2	Cổng HDMI (HDMI 1)	Kết nối máy tính với cáp HDMI (đi kèm với màn hình).
3	Cổng HDMI (HDMI 2)	
4	DisplayPort	Kết nối máy tính với cáp DisplayPort (đi kèm với màn hình).
5	Cổng ra SPDIF	Kết nối thiết bị S/PDIF với cáp S/PDIF (bán riêng).
6	Cổng USB kết nối máy tính	Kết nối cáp USB (kèm theo màn hình của bạn) vào cổng này và máy tính của bạn để kích hoạt các cổng USB trên màn hình của bạn.
7	Cổng USB kết nối thiết bị ngoại vi (2)	Kết nối thiết bị USB. CHÚ Ý: Để sử dụng các cổng này, bạn phải kết nối cáp USB (kèm theo màn hình) vào cổng USB kết nối máy tính trên màn hình và vào máy tính của bạn.

Nhìn từ phía bên



Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Cổng USB kết nối thiết bị ngoại vi	Kết nối thiết bị USB.* CHÚ Ý: Để sử dụng cổng này, bạn phải kết nối cáp USB (kèm theo màn hình) vào cổng USB kết nối máy tính trên màn hình và vào máy tính của bạn.
2	Cổng USB kết nối thiết bị ngoại vi có sạc nguồn	Kết nối để sạc thiết bị của bạn.
3	Cổng HDMI (HDMI 3)	Kết nối máy tính với cáp HDMI (đi kèm với màn hình).
4	Cổng tai nghe	Kết nối tai nghe hoặc loa

* Để tránh nhiễu tín hiệu, khi thiết bị USB không dây đã được kết nối vào cổng USB kết nối thiết bị ngoại vi, không khuyến khích kết nối bất kỳ thiết bị USB nào khác vào (các) cổng ở gần.

Thông số màn hình

Kiểu	AW5520QF
Kiểu màn hình	Ma trận chủ động màu
Công nghệ màn hình	OLED
Tỷ lệ khung hình	16:9
Hình ảnh xem được	
Chéo	1387,8 mm (54,6 in.)
Chiều rộng (vùng hoạt động)	1209,6 mm (47,62 in.)
Chiều cao (vùng hoạt động)	680,4 mm (26,79 in.)
Tổng khu vực	823011,8 mm ² (1275,67 in ²)
Khoảng cách điểm ảnh	0,315 mm x 0,315 mm
Điểm ảnh mỗi inch (PPI)	81
Góc nhìn	
Dọc	120° (thông thường)
Ngang	120° (thông thường)
Công suất chiếu sáng	<ul style="list-style-type: none">• 130 cd/m² (thông thường)• 400 cd/m² (tối đa)
Tỷ lệ tương phản	130000:1 (thông thường)
Lớp phủ bản mặt	Lớp phủ cứng (2H), xử lý chống phản xạ của bản phân cực trước
Đèn nền	Không áp dụng
Thời gian phản hồi	0,5 ms xám đến xám
Độ sâu màu	1,07 tỷ màu
Gam màu	98,5% DCI-P3
Thiết bị tích hợp	<ul style="list-style-type: none">• Ổ USB 3.0 Siêu Tốc độ (Với 1 x cổng USB 3.0 kết nối máy tính)• 4 x cổng USB 3.0 kết nối thiết bị ngoại vi (bao gồm 1 cổng hỗ trợ điện sạc)

Kết nối	<ul style="list-style-type: none"> • 1 x DisplayPort phiên bản 1.4 (phía dưới) • 3 x Cổng HDMI phiên bản 2.0 (phía dưới) 2; phía bên: 1) • 1 x cổng USB 3.0 kết nối máy tính (phía dưới) • 4 x cổng USB 3.0 kết nối thiết bị ngoại vi (phía dưới: 2; phía bên: 2) • 1 x cổng tai nghe (phía bên) • 1 x cổng ra S/PDIF (phía dưới)
Độ rộng viền (mép màn hình đến vùng hoạt động)	
Đầu	8,0 mm
Trái/Phải	8,2 mm/8,2 mm
Đáy	11,9 mm
Tương Thích Trình Quản Lý Màn Hiển Thị Dell (DDM)	Dễ sắp xếp và các tính năng chính khác

 **CHÚ Ý:** Không gắn hoặc sử dụng màn hình này theo hướng chân dung (đọc) hoặc hướng ngang (180°) vì bạn có thể làm hỏng màn hình.

Thông số độ phân giải

Kiểu	AW5520QF
Phạm vi quét ngang	<ul style="list-style-type: none"> • DisplayPort: 27 đến 269 kHz (tự động) • HDMI: 27 đến 143 kHz (tự động)
Phạm vi quét dọc	<ul style="list-style-type: none"> • DisplayPort 1.4: 40 đến 120 Hz (tự động) • HDMI 2.0: 40 đến 120 Hz (tự động)
Độ phân giải cài đặt sẵn tối đa	<ul style="list-style-type: none"> • DisplayPort: 3840 x 2160 @ 120 Hz • HDMI: 3840 x 2160 @ 60 Hz

Chế độ video được hỗ trợ

Kiểu	AW5520QF
Khả năng phát video (phát HDMI & DisplayPort)	480i, 480p, 576i, 576p, 720p, 1080i, 1080p, QHD, UHD

Chế độ hiển thị cài sẵn

Chế độ hiển thị HDMI

Chế độ hiển thị	Tần Số Quét Ngang (kHz)	Tần Số Quét Dọc (Hz)	Đồng Hồ Điểm Ảnh (MHz)	Cực Đồng Bộ (Ngang/ Dọc)
VESA, 640 x 400	31,5	70,1	25,2	+/-
VESA, 640 x 480	31,5	59,9	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 720 x 400	31,5	70,1	28,3	-/+
VESA, 800 x 600	37,9	60,3	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 800-R	49,3	59,9	71,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+
VESA, 1600 x 1200	75,0	60,0	162,0	+/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60,0	148,5	+/+
VESA, 1920 x 1080	137,3	120,0	285,5	+/-
VESA, 2048 x 1280-R	78,9	59,9	174,3	+/+
VESA, 2560 x 1440	88,8	60,0	241,5	+/-
VESA, 3840 x 2160	135,0	60,0	594,0	+/-

Chế độ hiển thị DP

Chế độ hiển thị	Tần Số Quét Ngang (kHz)	Tần Số Quét Dọc (Hz)	Đồng Hồ Điểm Ảnh (MHz)	Cực Đồng Bộ (Ngang/ Dọc)
VESA, 640 x 400	31,5	70,1	25,2	+/-
VESA, 640 x 480	31,5	59,9	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 720 x 400	31,5	70,1	28,3	-/+
VESA, 800 x 600	37,9	60,3	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 800-R	49,3	59,9	71,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+
VESA, 1600 x 1200	75,0	60,0	162,0	+/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60,0	148,5	+/+
VESA, 1920 x 1080	137,3	120,0	285,5	+/-
VESA, 2048 x 1280-R	78,9	59,9	174,3	+/+
VESA, 2560 x 1440	88,8	60,0	241,5	+/-
VESA, 3840 x 2160	133,3	60,0	533,3	+/-
VESA, 3840 x 2160	266,6	120,0	1066,5	+/-

 **CHÚ Ý:** Màn hình này hỗ trợ AMD FreeSync™ Premium Technology.

Thông số điện

Kiểu	AW5520QF
Tín hiệu vào video	HDMI 2.0*, DisplayPort 1.4**, 600 mV cho mỗi đường vi sai, 100 ohm trở kháng vào cho mỗi cặp vi sai.
Điện áp AC/tần số/dòng điện vào	100 VAC đến 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz \pm 3 Hz / 4,5 A (thông thường)
Điện khởi động	<ul style="list-style-type: none">• 120 V: 50 A (tối đa) ở 0°C (khởi động nguội)• 220 V: 100 A (tối đa) ở 0°C (khởi động nguội)
Tiêu thụ điện năng	<ul style="list-style-type: none">• 0,3 W (Chế độ tắt)¹• 0,3 W (Chế độ chờ)¹• 82,5 W (Chế độ bật)¹• 390 W (Tối đa)²• 84,75 W (Pon)³• 262,12 kWh (TEC)³

* Không hỗ trợ thông số kỹ thuật tùy chọn HDMI 2.0, bao gồm Consumer Electronics Control (CEC), HDMI Ethernet Channel (HEC), Audio Return Channel (ARC), tiêu chuẩn cho định dạng 3D và độ phân giải, và chuẩn cho độ phân giải rạp chiếu phim kỹ thuật số 4K.

¹ Như quy định trong EU 2019/2021 và EU 2019/2013.

² Cài đặt độ sáng và độ tương phản tối đa với tải nguồn tối đa ở mọi cổng USB.

³ Pon: Mức tiêu thụ năng lượng của chế độ Bật được đo tham chiếu đến phương pháp thử nghiệm Energy Star.

TEC: Tổng mức tiêu thụ năng lượng tính bằng kWh được đo bằng tham chiếu đến phương pháp thử nghiệm Energy Star.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và thể hiện hiệu suất trong phòng thí nghiệm. Sản phẩm của bạn có thể thể hiện khác, tùy thuộc vào phần mềm, linh kiện và thiết bị ngoại vi mà bạn đặt hàng và không có nghĩa vụ phải cập nhật thông tin như vậy.

Theo đó, khách hàng không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về dung sai điện hoặc những quyết định khác. Không có bảo đảm công khai hay ngụ ý về tính chính xác hay đầy đủ.

Thông Số Loa

Kiểu	AW5520QF
Nguồn định mức của loa	2 x 14 W
Đáp tuyến tần số	180 Hz - 20 kHz
Trở kháng	8 ohm

Đặc Điểm Vật Lý

Kiểu	AW5520QF
Kiểu cáp tín hiệu	<ul style="list-style-type: none">• Kỹ thuật số: HDMI, 19 chân• Kỹ thuật số: DisplayPort, 20 chân• Universal Serial Bus: USB, 9 chân
CHÚ Ý: Màn hình Dell được thiết kế để hoạt động tối ưu với cáp video được vận chuyển cùng với màn hình. Vì Dell không có quyền kiểm soát các nhà cung cấp cáp khác nhau trên thị trường, loại vật liệu, đầu nối và quy trình được sử dụng để sản xuất các loại cáp này, Dell không kiểm tra hiệu suất video trên các cáp không được vận chuyển với màn hình Dell của bạn.	
Kích thước (có chân đế)	
Chiều cao	770,6 mm (30,34 in.)
Chiều rộng	1225,9 mm (48,26 in.)
Chiều sâu	263,9 mm (10,39 in.)
Kích thước (không có chân đế)	
Chiều cao	717,2 mm (28,24 in.)
Chiều rộng	1225,9 mm (48,26 in.)
Chiều sâu	80,3 mm (3,16 in.)
Kích thước chân đế	
Chiều cao	246,7 mm (9,71 in.)
Chiều rộng	546,2 mm (21,50 in.)
Chiều sâu	263,9 mm (10,39 in.)
Trọng lượng	
Trọng lượng gồm bao bì	41,3 kg (90,96 lb)

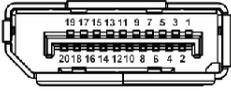
Trọng lượng có bộ chân đế, cáp và điều khiển từ xa	26,1 kg (57,54 lb)
Trọng lượng không có bộ chân đế (Để tham khảo khi lắp tường hoặc lắp VESA - không có cáp)	25,5 kg (59,13 lb)
Trọng lượng của bộ chân đế	1,9 kg (4,23 lb)
Độ bóng khung trước	4-7 GU (chỉ cầm phía trước)

Đặc Tính Môi Trường

Kiểu	AW5520QF
Tiêu Chuẩn Tương Thích	
<ul style="list-style-type: none"> Màn hình bằng kính không có thạch tín và thủy ngân Màn hình không có BFR/PVC (trừ cáp bên ngoài) 	
Nhiệt độ	
Hoạt động	0°C đến 40°C (32°F đến 104°F)
Không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> Bảo quản: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F) Vận chuyển: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F)
Độ ẩm	
Hoạt động	10% đến 80% (không ngưng tụ)
Không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> Bảo quản: 5% đến 90% (không ngưng tụ) Vận chuyển: 5% đến 90% (không ngưng tụ)
Cao độ	
Hoạt động	5.000 m (16.404 ft) (tối đa)
Không hoạt động	12.192 m (40.000 ft) (tối đa)
Tản nhiệt	<ul style="list-style-type: none"> 1331 BTU/giờ (tối đa) 341 BTU/giờ (bình thường)

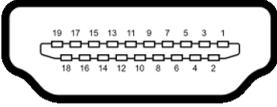
Chỉ định chân

Đầu nối DisplayPort



Số chân	Mặt 20 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	ML3 (n)
2	GND
3	ML3 (p)
4	ML2 (n)
5	GND
6	ML2 (p)
7	ML1 (n)
8	GND
9	ML1 (p)
10	ML0 (n)
11	GND
12	ML0 (p)
13	GND
14	GND
15	AUX (p)
16	GND
17	AUX (n)
18	Phát Hiện Cắm Nóng
19	Re-PWR
20	+3,3 V DP_PWR

Đầu nối HDMI



Số chân	Mặt 19 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	DỮ LIỆU TMDS 2+
2	LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 2
3	DỮ LIỆU TMDS 2-
4	DỮ LIỆU TMDS 1+
5	LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 1
6	DỮ LIỆU TMDS 1-
7	DỮ LIỆU TMDS 0+
8	LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 0
9	DỮ LIỆU TMDS 0-
10	ĐỒNG HỒ TMDS+
11	LỚP CHẮN ĐỒNG HỒ TMDS
12	ĐỒNG HỒ TMDS-
13	CEC
14	Dự trữ (N.C. trên thiết bị)
15	ĐỒNG HỒ DDC (SCL)
16	DỮ LIỆU DDC (SDA)
17	DDC/CEC Nối đất
18	+5V NGUỒN
19	PHÁT HIỆN CẢM NÓNG

Khả Năng Cắm và Chạy

Bạn có thể kết nối màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với khả năng Cắm và Chạy. Màn hình sẽ tự cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Biết Hiển Thị Mở Rộng (EDID) sử dụng các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự động cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Hầu hết các cài đặt màn hình là tự động; bạn có thể chọn cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về việc thay đổi cài đặt màn hình, xem [Sử dụng màn hình](#).

Giao Diện Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)

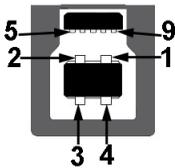
Phần này cung cấp cho bạn thông tin về các cổng USB có trên màn hình.

CHÚ Ý: Màn hình này tương thích USB 3.0 tốc độ cực nhanh.

Tốc Độ Truyền	Tốc độ dữ liệu	Tiêu thụ điện*
Tốc độ rất nhanh	5 Gbps	4,5 W (Tối đa, mỗi cổng)
Tốc độ cao	480 Mbps	4,5 W (Tối đa, mỗi cổng)
Tốc độ đầy đủ	12 Mbps	4,5 W (Tối đa, mỗi cổng)

* Lên đến 2 A trên cổng USB kết nối thiết bị ngoại vi (có biểu tượng pin ) với các thiết bị tuân thủ phiên bản sạc pin hoặc các thiết bị USB bình thường.

Đầu nối USB kết nối máy tính



Số chân	Mặt 9 chân của đầu nối
1	VCC
2	D-
3	D+
4	GND
5	SSTX-
6	SSTX+
7	GND
8	SSRX-
9	SSRX+

Đầu nối USB kết nối thiết bị ngoại vi



Số chân	Mặt 9 chân của đầu nối
1	VCC
2	D-
3	D+
4	GND
5	SSRX-
6	SSRX+
7	GND
8	SSTX-
9	SSTX+

Cổng USB

- 1 x kết nối máy tính - phía dưới
- 4 x kết nối thiết bị ngoại vi - phía dưới (2) và phía bên (2)

Cổng nạp nguồn - cổng có biểu tượng ; hỗ trợ khả năng nạp điện 2 A nhanh, nếu thiết bị tương thích BC1.2.

 **CHÚ Ý:** Chức năng USB 3.0 đòi hỏi máy tính phải hỗ trợ USB 3.0.

 **CHÚ Ý:** Các cổng USB của màn hình này chỉ hoạt động khi màn hình đang bật hoặc ở trong Chế độ chờ. Nếu bạn tắt màn hình và sau đó bật lại, các thiết bị ngoại vi kèm theo có thể mất một vài giây để khôi phục chức năng bình thường.

Chính sách điểm ảnh và chất lượng màn hình OLED

Trong quá trình sản xuất màn hình OLED, đôi khi có một hoặc nhiều điểm ảnh bị cố định ở một trạng thái không thay đổi, khó có thể nhìn thấy và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình OLED, xem www.dell.com/support/monitors.

Hướng Dẫn Bảo Trì

Vệ Sinh Màn Hình

△ **THẬN TRỌNG:** Đọc và làm theo **Hướng Dẫn Về An Toàn** trước khi vệ sinh màn hình.

⚠ **CẢNH BÁO:** Trước khi vệ sinh màn hình, rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ điện.

Để biết cách làm tốt nhất, hãy làm theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây trong khi mở hộp, vệ sinh hoặc xử lý màn hình của bạn:

- Để vệ sinh màn hình chống tĩnh điện của bạn, nhúng nhẹ miếng vải mềm, sạch vào nước. Nếu có thể, sử dụng vải mỏng vệ sinh màn hình đặc biệt hoặc dung dịch phù hợp với lớp phủ chống tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất tẩy rửa, amoniac, chất tẩy rửa mài mòn, hoặc khí nén.
- Sử dụng vải nhúng nước ấm để vệ sinh màn hình. Tránh sử dụng bất cứ chất tẩy rửa nào do một số chất tẩy rửa để lại lớp màng trên màn hình.
- Nếu bạn thấy có lớp bột trắng khi mở hộp màn hình, hãy lau bằng miếng vải.
- Thao tác cẩn thận với màn hình do màn hình màu hơi tối có thể bị trầy xước và để lại vết trầy màu trắng có màu sáng hơn màu sáng của màn hình.
- Để giúp duy trì chất lượng hình ảnh tốt nhất trên màn hình, sử dụng hình nền bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt màn hình khi không sử dụng.

Lắp đặt màn hình

Lắp chân đế

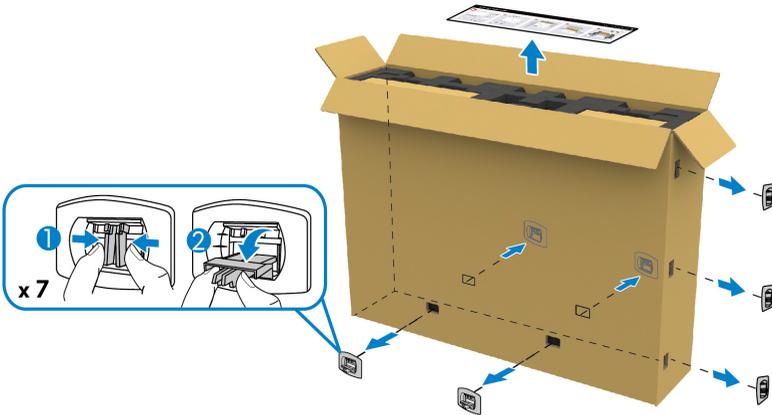
CHÚ Ý: Chân đế chưa được lắp sẵn tại nhà máy.

THẬN TRỌNG: Màn hình rất nặng nên phải thao tác cực kỳ cẩn thận. Khuyến cáo khi nâng hoặc di chuyển màn hình này cần phải có hai người.

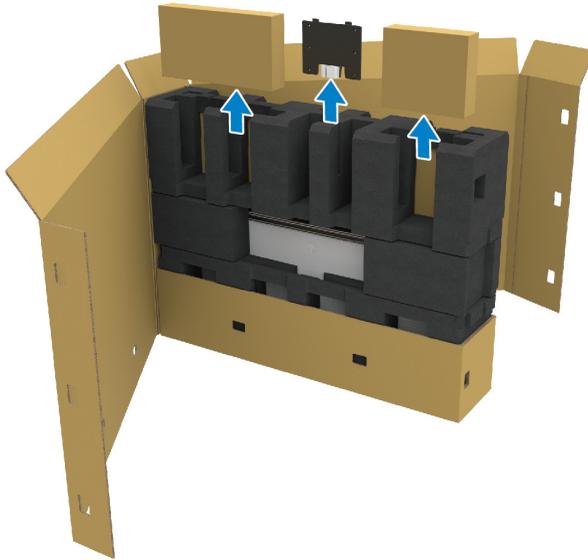
CHÚ Ý: Các hướng dẫn sau đây chỉ được dùng để lắp chân đế đi kèm với màn hình của bạn. Nếu bạn lắp chân đế mua từ nguồn khác, hãy làm theo các hướng dẫn lắp đặt đi kèm với chân đế đó.

THẬN TRỌNG: Các bước sau đây là rất quan trọng để bảo vệ màn hình của bạn. Làm theo các hướng dẫn dưới đây để hoàn thành quá trình lắp đặt.

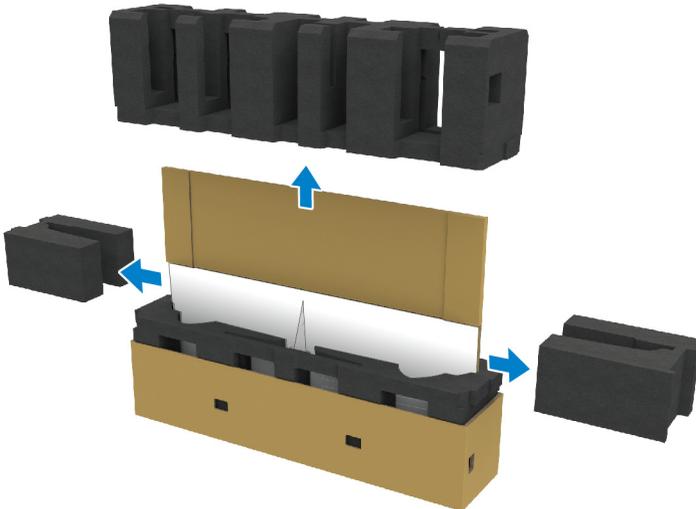
1. Tháo bảy khuyến cài ở hộp bên ngoài bằng cách kéo các tab trên đó.
2. Mở nắp và tìm Hướng Dẫn Cài Đặt Nhanh. Tham khảo tài liệu để lắp đặt.



3. Tháo các hộp ngoại vi và giá đỡ khỏi đệm hộp.



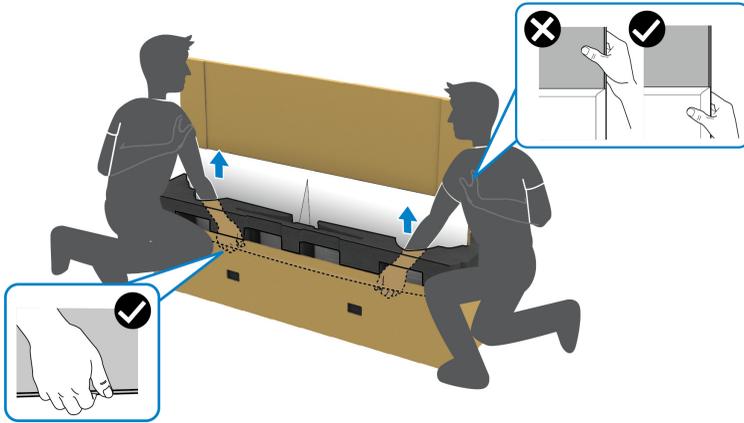
4. Tháo đệm bọt ở phía trên và phía bên.



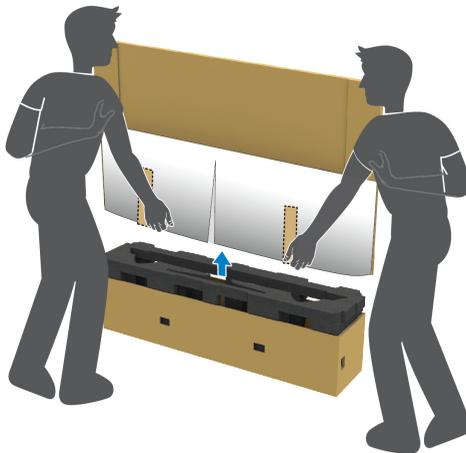
⚠ CẢNH BÁO: Cần có hai người để nâng màn hình vì màn hình nặng.

5. Tháo màn hình ra khỏi đệm hộp.

- a. Cùng với người phụ giúp, trượt một tay vào các khu vực cắt trên đệm đáy, như trong hình dưới đây.
- b. Cùng với người phụ giúp, lấy tay kia giữ màn hình ở phần dày hơn của cạnh màn hình.

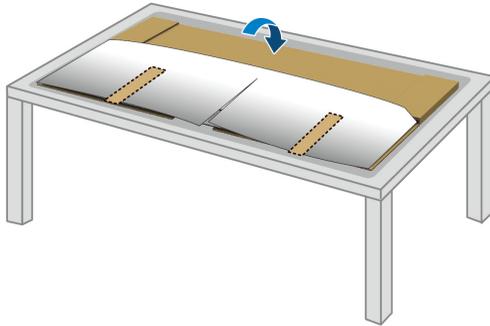


- c. Nhấc màn hình ra khỏi gói như trong hình bên dưới.

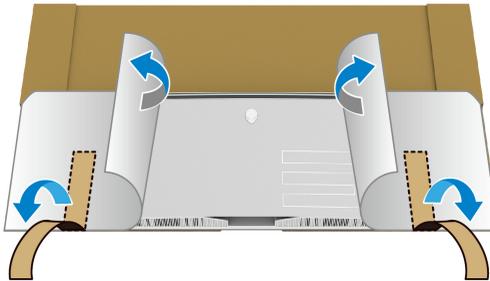


△ **THẬN TRỌNG:** Không nhấn lên màn hình bằng điều khiển khi nâng màn hình.

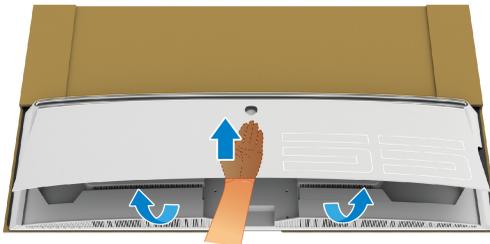
6. Đặt úp màn hình trên bề mặt mềm, bằng phẳng.



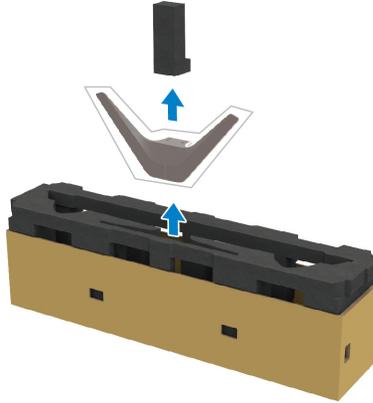
7. Tháo các dải băng trên nắp bảo vệ và xé nắp dọc theo đường đục lỗ để tiếp cận nắp I/O trên màn hình.



8. Đặt một tay vào hốc ở cạnh dưới của màn hình, như thể hiện trong hình ảnh bên dưới, và nhẹ nhàng tháo nắp I/O từ.

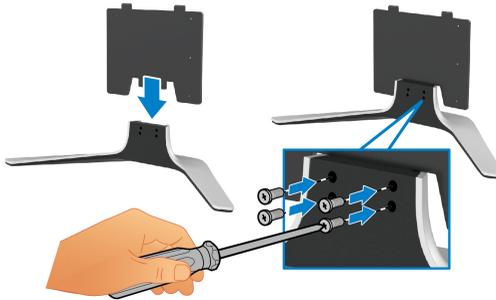


9. Tháo bộ chân đế khỏi lớp đệm hộp.



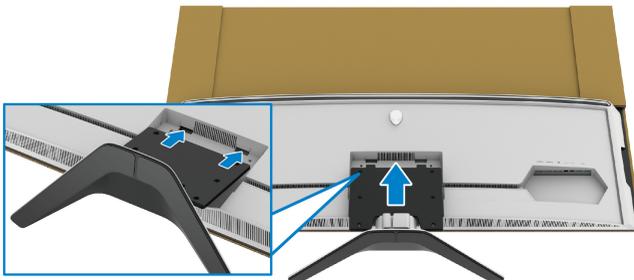
10. Lắp giá treo tường vào chân đế.

- a. Căn chỉnh các lỗ vít trên giá treo với các lỗ vít trên chân đế.
- b. Sử dụng tua vít Phillips đầu tròn, siết chặt sáu ốc vít để cố định giá treo vào chân đế.

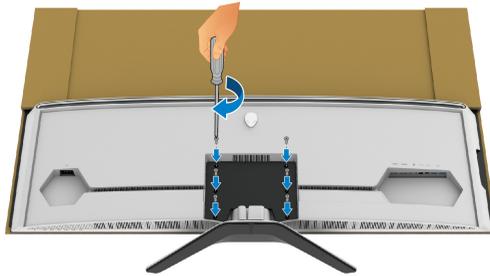


11. Gắn bộ chân đế vào màn hình.

- a. Căn chỉnh chân đế với các lỗ vít ở mặt sau màn hình.

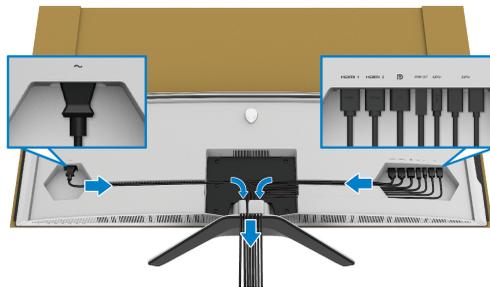


b. Sử dụng tuốc nơ vít Phillips đầu tròn, siết chặt cụm chân đế vào màn hình bằng bốn ốc vít.



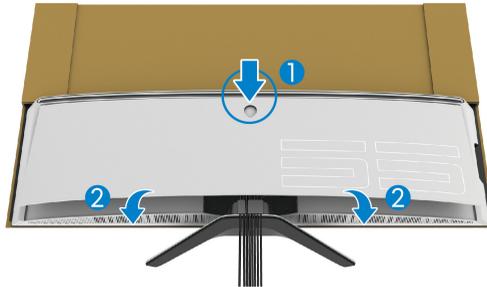
12. Kết nối các cáp cần thiết với màn hình, sau đó bảo vệ cáp bằng cách luồn qua các rãnh và khe gom cáp.

- Cáp nguồn
- Cáp HDMI
- Cáp DisplayPort
- Cáp âm thanh S/PDIF (tùy chọn, không bao gồm cáp)
- Cáp USB kết nối máy tính
- Cáp USB kết nối thiết bị ngoại vi (tùy chọn, không bao gồm cáp)



- ✎ **CHÚ Ý:** Đi dây cáp gọn gàng để sắp xếp vừa trước khi lắp nắp I/O.
- ✎ **CHÚ Ý:** Không cắm cáp nguồn vào ổ cắm tường hoặc bật màn hình cho tới khi được hướng dẫn để làm như vậy.

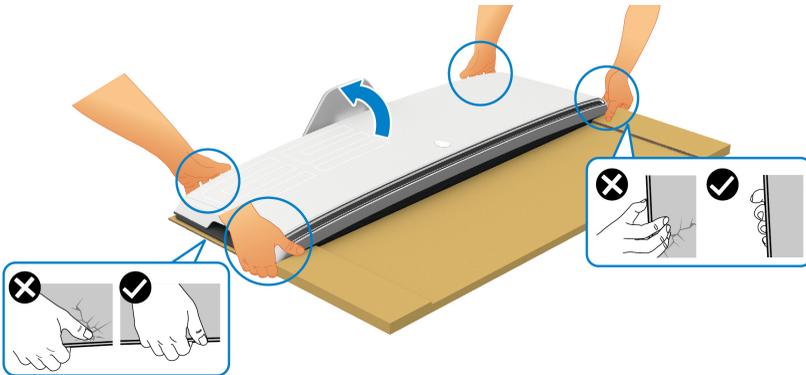
13. Căn chỉnh và đặt các cạnh ngoài của nắp I/O vào hốc phía sau màn hình. Nắp I/O sẽ khớp vào đúng vị trí nhờ có lực từ.



14. Cùng người khác cẩn thận nâng màn hình lên, đặt lên bề mặt bằng phẳng.

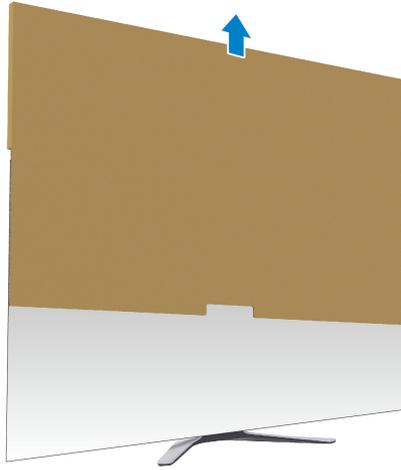
- Cùng với người phụ giúp, dùng một bàn tay để giữ cạnh dưới của màn hình, như thể hiện trong hình ảnh bên dưới.
- Cùng với người phụ giúp, lấy tay kia giữ màn hình ở phần dày hơn của cạnh màn hình.
- Nâng màn hình lên.
- Đặt màn hình ở vị trí thẳng đứng.

⚠ CẢNH BÁO: Cần có hai người để nâng màn hình vì màn hình nặng.



⚠ THẬN TRỌNG: Giữ chắc màn hình và không ấn vào màn hình bằng điều khiển khi nâng để tránh mọi hư hỏng do sự cố.

15. Tháo bìa cứng khỏi màn hình.



16. Tháo nắp bảo vệ khỏi màn hình.



Gắn bộ chuyển đổi VESA

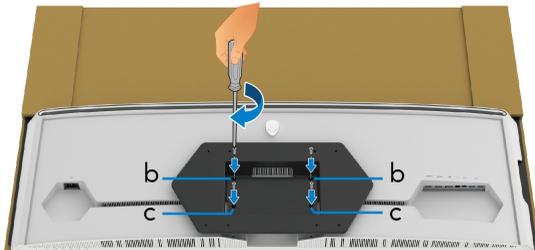
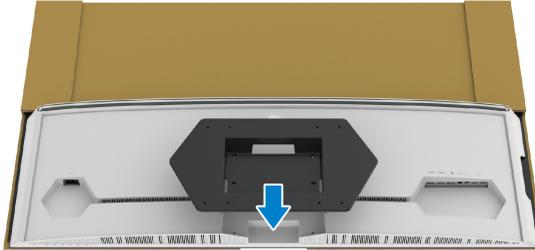
Bằng cách cài đặt bộ chuyển đổi VESA được cung cấp (trong hộp bên ngoài) ở mặt sau của màn hình, bạn có thể gắn bộ giá treo tường hoặc tay gắn của bên thứ 3 (được bán riêng) vào màn hình.

CHÚ Ý: Bộ giá treo tường hoặc tay của bên thứ 3 không được vận chuyển cùng với màn hình này.

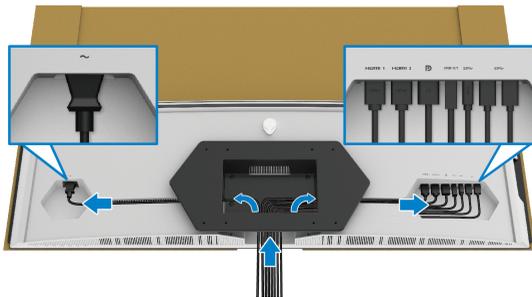
Tham khảo hướng dẫn đi kèm với bộ treo tường tương thích VESA hoặc tay gắn của bên thứ ba.

(Kích thước vít: M4 x 10 mm)

- Thực hiện theo bước 1 đến 8 trong **Lắp chân đế** để tiếp cận vị trí gắn bộ chuyển đổi VESA.
- Lắp bộ chuyển đổi VESA vào màn hình.
 - Căn chỉnh bộ chuyển đổi VESA với các lỗ vít ở mặt sau màn hình.
 - Sử dụng tước nở vít Phillips đầu tròn, siết chặt mép trên của bộ chuyển đổi VESA bằng hai vít.
 - Sử dụng tước nở vít Phillips đầu tròn, siết chặt mép dưới của bộ chuyển đổi VESA bằng hai vít.



3. Sắp xếp và kết nối các cáp cần thiết vào màn hình, như minh họa:
- Cáp nguồn
 - Cáp HDMI
 - Cáp DisplayPort
 - Cáp âm thanh S/PDIF (tùy chọn, không bao gồm cáp)
 - Cáp USB kết nối máy tính
 - Cáp USB kết nối thiết bị ngoại vi (tùy chọn, không bao gồm cáp)



4. Gắn màn hình lên tường. Để biết thêm thông tin, xem tài liệu hướng dẫn được cung cấp với bộ dụng cụ treo tường hoặc tay gắn bên thứ 3.
5. Tháo bìa cứng và nắp bảo vệ khỏi màn hình.

CHÚ Ý: Chỉ sử dụng với giá treo tường có trong danh sách UL, có khả năng chịu trọng lượng hoặc tải tối thiểu 102,0 kg.

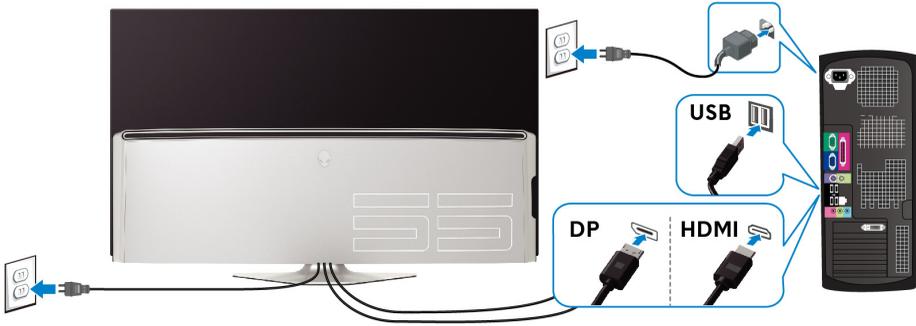
Kết nối máy tính

⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng Dẫn Về An Toàn](#).

🔑 CHÚ Ý: Không kết nối tất cả các cáp vào máy tính cùng một lúc.

🔑 CHÚ Ý: Hình ảnh được dựng chỉ cho mục đích minh họa. Giao diện của các máy tính có thể thay đổi.

Để kết nối với màn hình của bạn với máy tính:

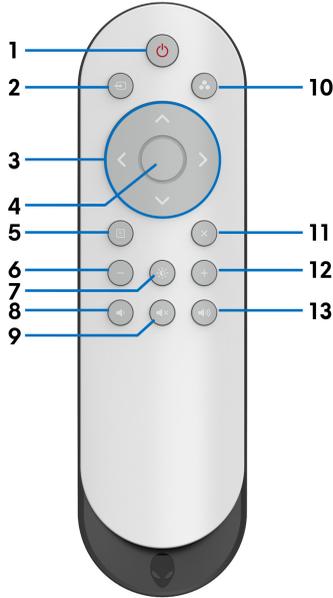


1. Kết nối đầu kia của cáp DisplayPort, hoặc HDMI vào máy tính của bạn.
2. Kết nối đầu kia của cáp USB 3.0 kết nối máy tính vào cổng USB 3.0 phù hợp trên máy tính của bạn.
3. Kết nối các thiết bị ngoại vi USB 3.0 với các cổng USB 3.0 kết nối thiết bị ngoại vi trên màn hình.
4. Cắm cáp nguồn của máy tính và màn hình vào ổ cắm tường.
5. Bật màn hình và máy tính.

Nếu màn hình của bạn hiển thị một hình ảnh, thì cài đặt đã hoàn tất. Nếu nó không hiển thị hình ảnh, hãy xem [Vấn Đề Cụ Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dụng \(USB\)](#).

Điều khiển từ xa

Bạn có thể sử dụng các nút trên điều khiển từ xa để truy cập menu Hiển thị trên màn hình (OSD) và điều chỉnh cài đặt menu.



Nhãn	Nút	Mô tả
1	Bật/Tắt nguồn	Bật hoặc tắt màn hình.
2	Input Source (Nguồn Đầu Vào)	Để khởi chạy menu Input Source (Nguồn Đầu Vào) . Sử dụng các nút điều hướng để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn. Sau đó nhấn nút OK để xác nhận lựa chọn và thoát.
3	Nút điều hướng	Sử dụng các nút (lên/xuống/trái/phải) để di chuyển giữa các tùy chọn cài đặt trong menu OSD.
4	OK	Xác nhận lựa chọn của bạn. Khi menu OSD tắt, chọn nút này để khởi động menu OSD.
5	Menu	Để khởi chạy menu OSD.
6	-	Để giảm các mức điều chỉnh.

7	Độ sáng/Độ tương phản	Để truy cập trực tiếp vào thanh trượt điều chỉnh Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản) .
8	Âm lượng -	Để giảm mức âm lượng.
9	Tắt âm	Để tắt âm lượng.
10	Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)	Để chỉ định chế độ màu mong muốn từ danh sách đặt trước. Để biết chi tiết, xem Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước) .
11	Thoát	Để thoát menu chính OSD.
12	+	Để tăng mức điều chỉnh.
13	Âm lượng +	Để tăng mức âm lượng.

Lắp pin vào điều khiển từ xa

Điều khiển từ xa sử dụng hai viên pin 1,5 V AAA.

Để lắp và thay thế pin:

1. Tháo nắp pin bằng cách nhấn cạnh dưới của điều khiển từ xa lên.
2. Lắp pin đúng theo các dấu (+) và (-) bên trong ngăn pin.
3. Lắp lại nắp pin.



△ THẬN TRỌNG: Sử dụng không đúng cách có thể gây ra rò rỉ hoặc nổ. Đảm bảo làm theo hướng dẫn sau đây:

- Lắp pin “AAA” sao cho các dấu (+) và (-) trên mỗi viên pin khớp với các dấu (+) và (-) của ngăn pin.
- Không sử dụng lẫn các kiểu pin.
- Không dùng chung pin cũ và pin mới. Điều này có thể làm giảm tuổi thọ pin hoặc rò rỉ pin.
- Tháo pin đã hết điện ra ngay để tránh pin rò rỉ chất lỏng ra ngăn pin. Không chạm vào a-xít pin bị lộ ra ngoài do nó có thể làm tổn thương da của bạn.

CHÚ Ý: Nếu bạn không định sử dụng điều khiển từ xa trong một thời gian dài, hãy tháo pin.

Thao tác với điều khiển từ xa

Tham khảo các mẹo an toàn sau để xử lý điều khiển từ xa và pin đúng cách:

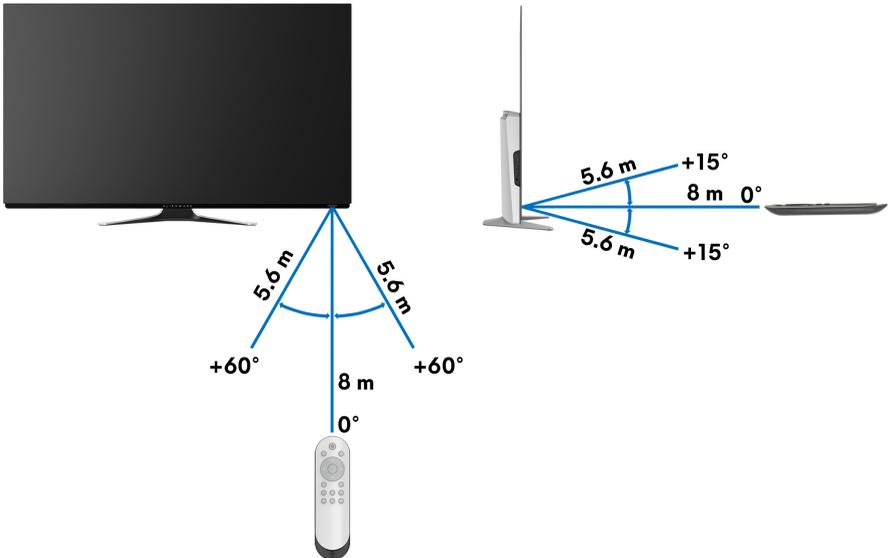
- Không để sốc mạnh.
- Không để nước và chất lỏng khác văng vào điều khiển từ xa. Nếu điều khiển từ xa bị ướt, lau khô nó ngay lập tức.
- Tránh tiếp xúc với nhiệt độ cao và hơi nước.
- Chỉ mở điều khiển từ xa để lắp pin.

Phạm vi hoạt động của điều khiển từ xa

Hướng đầu trên của điều khiển từ xa về phía cảm biến hồng ngoại của màn hình trong khi nhấn nút.

Sử dụng điều khiển từ xa ở khoảng cách thẳng khoảng 8 m với cảm biến hồng ngoại hoặc ở góc ngang 120° và góc dọc 30° ở khoảng cách khoảng 5,6 m.

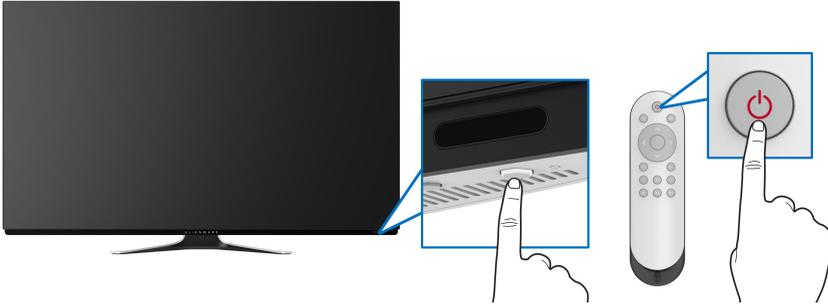
CHÚ Ý: Điều khiển từ xa có thể không hoạt động được khi cảm biến IR trên màn hình bị ánh sáng mặt trời trực tiếp hoặc ánh sáng mạnh chiếu vào, hoặc khi có vật cản trên đường truyền tín hiệu.



Sử dụng màn hình

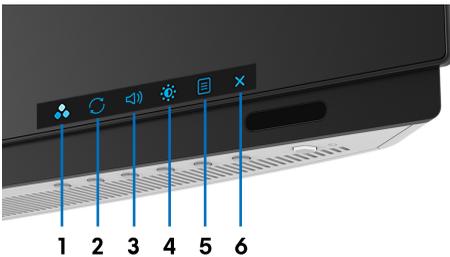
Bật nguồn màn hình

Nhấn nút nguồn trên màn hình hoặc trên điều khiển từ xa để bật màn hình.



Sử dụng điều khiển trên bảng điều khiển trước

Sử dụng các nút điều khiển ở phía trước màn hình để truy cập menu OSD và các phím tắt.



Bảng dưới đây mô tả các nút ở bảng điều khiển trước:

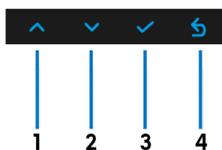
Nút bảng điều khiển phía trước	Mô tả
1  Phím tắt/Presets Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)	Để chỉ định chế độ màu mong muốn từ danh sách đặt trước.
2  Phím tắt/AMD FreeSync Premium	Để truy cập trực tiếp vào menu AMD FreeSync Premium .

3		Để truy cập trực tiếp vào thanh trượt điều chỉnh Volume (Âm lượng) .
4		Để truy cập trực tiếp vào thanh trượt điều chỉnh Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản) .
5		Để khởi chạy Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD). Xem Truy cập hệ thống menu .
6		Để thoát menu chính OSD.
	Thoát	

Nút bảng điều khiển phía trước

Sử dụng các nút trên mặt trước của màn hình để điều chỉnh các cài đặt hiển thị.

 **CHÚ Ý:** Nếu bạn sử dụng điều khiển từ xa để truy cập menu OSD, các nút định hướng được minh họa bên dưới sẽ không xuất hiện trên màn hình.



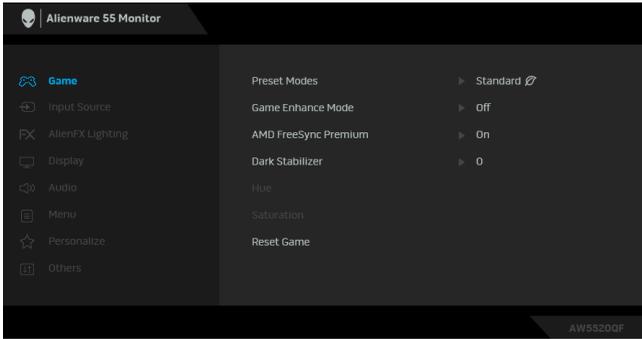
Nút bảng điều khiển phía trước	Mô tả
1  Lên	Để di chuyển lên hoặc tăng một giá trị trong menu OSD.
2  Xuống	Để di chuyển xuống hoặc giảm một giá trị trong menu OSD.
3  OK	Xác nhận lựa chọn của bạn.
4  Quay lại	Để trở lại menu trước.

Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD)

Truy cập hệ thống menu

CHÚ Ý: Nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó tiến tới menu khác hoặc thoát menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu những thay đổi đó. Những thay đổi cũng được lưu nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó chờ cho menu OSD biến mất.

1. Nhấn nút **Menu** trên màn hình hoặc trên điều khiển từ xa để hiển thị menu chính.



2. Sử dụng nút lên và xuống để di chuyển giữa các tùy chọn cài đặt. Khi bạn di chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn được đánh dấu nổi bật.
3. Sử dụng nút phải để vào menu phụ.
4. Sử dụng các phím điều hướng để thực hiện thay đổi.
5. Nhấp vào nút **OK** để xác nhận các thay đổi.
6. Nhấn nút **Quay lại** hoặc nút trái để quay lại menu trước đó, hoặc nhấn nút **Thoát** để thoát menu OSD.

CHÚ Ý: Xem bảng dưới đây về danh sách đầy đủ các tùy chọn có sẵn cho màn hình.

CHÚ Ý: Nếu bạn sử dụng điều khiển từ xa để truy cập menu OSD, các nút định hướng bên dưới menu sẽ không xuất hiện trên màn hình.

Biểu tượng

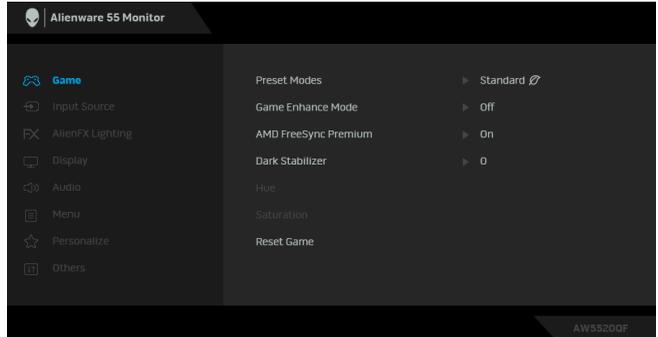
Menu và Menu phụ

Mô Tả



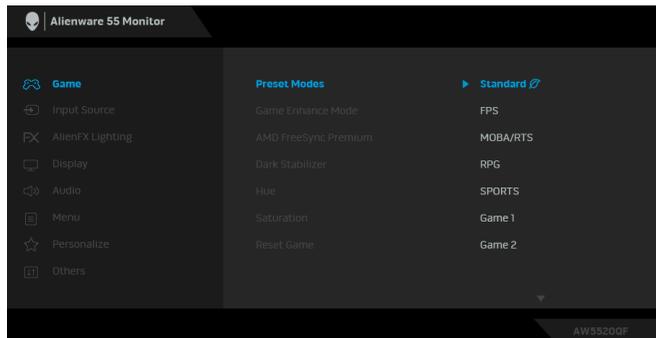
Game (Trò chơi)

Sử dụng menu này để cá nhân hóa trải nghiệm chơi trực quan của bạn.



Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)

Cho phép bạn chọn từ một danh sách các chế độ màu cài đặt trước.



- **Standard (Tiêu Chuẩn):** Tải cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài đặt trước mặc định.
- **FPS:** Tải cài đặt màu hữu ích cho các game Bắn góc nhìn thứ nhất (FPS).
- **RPG:** Tải cài đặt màu hữu ích cho các Trò chơi nhập vai (RRG).
- **MOBA/RTS:** Tải cài đặt màu lý tưởng cho các trò chơi Đấu trường trực tuyến nhiều người chơi (MOBA) và Chiến lược thời gian thực (RTS).

Preset Modes
(Chế Độ Cài Đặt
Trước)

- **SPORTS (THỂ THAO):** Tải cài đặt màu hữu ích cho các game nhập vai.
- **Game 1 (Trò chơi 1)/Game 2 (Trò chơi 2)/Game 3 (Trò chơi 3):** Cho phép bạn tùy chỉnh cài đặt màu cho nhu cầu chơi game.
- **ComfortView:** Giảm mức ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để xem thoải mái hơn cho đôi mắt của bạn.

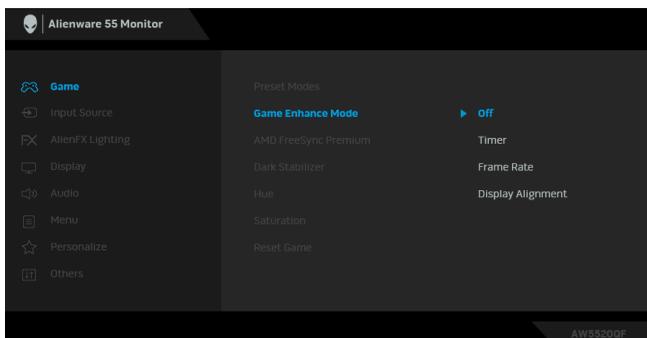
CẢNH BÁO: Các ảnh hưởng lâu dài có thể xảy ra đối với phát xạ ánh sáng xanh từ màn hình có thể gây thương tích cá nhân như làm căng mắt kỹ thuật số, mỏi mắt và tổn thương mắt. Sử dụng màn hình trong thời gian dài cũng có thể gây đau ở các bộ phận của cơ thể như cổ, cánh tay, lưng và vai.

Để giảm nguy cơ mỏi mắt và đau cổ/tay/lưng/vai từ việc sử dụng màn hình trong thời gian dài, bạn nên:

1. Ngồi cách màn hình khoảng 20 đến 28 inch (50 - - 70cm).
 2. Nháy mắt thường xuyên để làm ẩm mắt hoặc làm ướt mắt bằng nước sau khi sử dụng màn hình lâu dài.
 3. Nghỉ giải lao thường xuyên và đều đặn 20 phút mỗi hai giờ.
 4. Không nhìn vào màn hình và nhìn vào một vật ở xa cách 20 feet trong ít nhất 20 giây ở các lần nghỉ.
 5. Thực hiện các động tác co duỗi để làm giảm căng thẳng ở cổ, tay, lưng, vai trong giờ giải lao.
- **Warm (Ấm):** Hiện thị màu ở nhiệt độ màu thấp hơn. Màn hình có vẻ ấm hơn với sắc màu đỏ/vàng.
 - **Cool (Mát):** Hiện thị màu sắc ở nhiệt độ màu cao hơn. Màn hình có vẻ mát hơn với sắc màu xanh.
 - **Custom Color (Màu Tùy Chỉnh):** Cho phép bạn tự điều chỉnh các cài đặt màu. Sử dụng các nút định hướng (lên và xuống) để chỉnh các giá trị **Gain (Tăng)**, **Offset (Bù)**, **Hue (Màu sắc)**, và **Saturation (Độ bão hòa)** và tăng chế độ màu đặt sẵn.
-

Game Enhance Mode (Chế độ Tăng cường Trò chơi)

Tính năng này cung cấp ba chức năng để nâng cao trải nghiệm chơi game của bạn.



- **Off (Tắt)**

Chọn để vô hiệu hóa các chức năng trong phần **Game Enhance Mode (Chế độ Tăng cường Trò chơi)**.

- **Timer (Hẹn giờ)**

Cho phép bạn tắt hoặc bật đồng hồ ở góc trên bên trái của màn hình. Đồng hồ cho biết thời gian trôi qua kể từ khi trò chơi bắt đầu. Chọn một tùy chọn từ danh sách khoảng thời gian để cho bạn biết về thời gian còn lại.

- **Frame Rate (Tốc Độ Khuôn Hình)**

Chọn **On (Bật)** cho phép bạn hiển thị khung hình hiện tại mỗi giây khi chơi trò chơi. Tốc độ càng cao thì chuyển động càng mượt.

- **Display Alignment (Cân Chỉnh Màn Hình)**

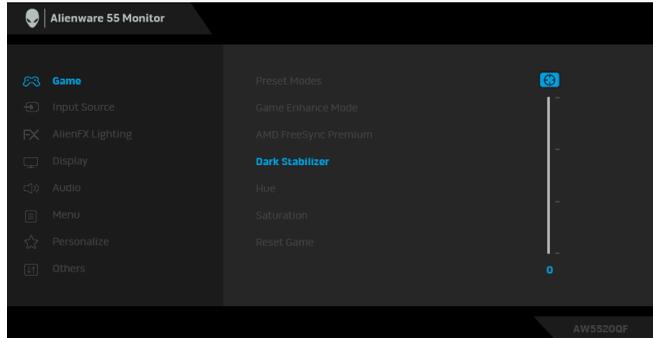
Kích hoạt chức năng này để cân chỉnh tốt nội dung video từ nhiều màn hình hiển thị.

AMD FreeSync Premium

Khi bạn chọn **On (Bật)**, màn hình chạy ở tốc độ khuôn hình cao nhất có thể để loại bỏ cả độ trễ đầu vào và độ xé màn hình, giúp chơi mượt mà hơn.

Dark Stabilizer
(Bộ ổn định
cảnh tối)

Tính năng này nâng cao khả năng hiển thị trong các cảnh chơi game tối. Giá trị càng cao (từ 0 đến 3), thì khả năng hiển thị càng tốt hơn ở vùng tối của hình ảnh hiển thị.



CHÚ Ý: Các chức năng không có sẵn nếu **Smart HDR (HDR thông minh)** được kích hoạt.

Hue (Màu sắc)

Tính năng này có thể thay đổi màu của hình ảnh video sang màu xanh lá cây hoặc màu tím. Được sử dụng để điều chỉnh tông màu nhẹ nhàng theo mong muốn. Sử dụng các nút định hướng (lên và xuống) để điều chỉnh mức màu sắc từ 0 tới 100.

Sử dụng nút Lên để tăng màu xanh lá của hình ảnh video.

Sử dụng nút Xuống để tăng màu tím của hình ảnh video.

CHÚ Ý: Chỉnh **Hue (Màu sắc)** chỉ có khi bạn chọn chế độ cài đặt trước cho **FPS, MOBA/RTS, SPORTS (THỂ THAO)**, hoặc **RPG**.

Saturation (Độ bão hòa)

Tính năng này có thể điều chỉnh độ bão hòa màu của hình ảnh video. Sử dụng các nút điều hướng (lên và xuống) để điều chỉnh độ bão hòa từ 0 tới 100.

Sử dụng nút Lên để tăng màu sắc của hình ảnh video.

Sử dụng nút Xuống để tăng màu đen trắng của hình ảnh video.

CHÚ Ý: Chỉnh **Saturation (Độ bão hòa)** chỉ có khi bạn chọn chế độ cài đặt trước **FPS, MOBA/RTS, SPORTS (THỂ THAO)**, hoặc **RPG**.

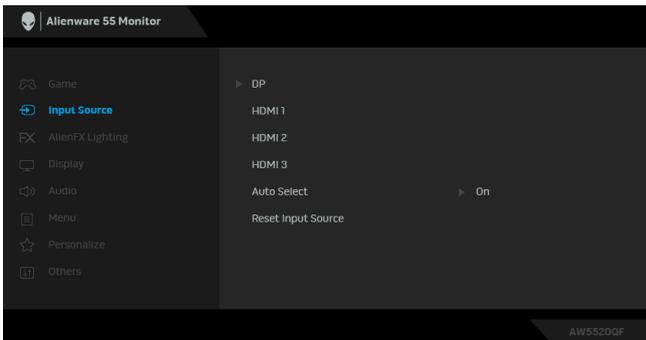
Reset Game
(Cài Đặt Lại Trò
Chơi)

Đặt lại tất cả các cài đặt mục trong menu **Game (Trò chơi)** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.



Input Source (Nguồn Đầu Vào)

Sử dụng menu **Input Source (Nguồn Đầu Vào)** để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.



DP

Chọn đầu vào **DP** khi bạn sử dụng đầu nối DisplayPort (DP). Nhấp vào nút **OK** để xác nhận chọn.

HDMI 1

Chọn đầu vào **HDMI 1**, **HDMI 2**, hoặc **HDMI 3** khi bạn sử dụng đầu nối HDMI. Nhấp vào nút **OK** để xác nhận chọn.

HDMI 2

HDMI 3

Auto Select (Tự Động Chọn)

Bật chức năng này sẽ cho phép màn hình tự động quét tìm các nguồn đầu vào có sẵn.

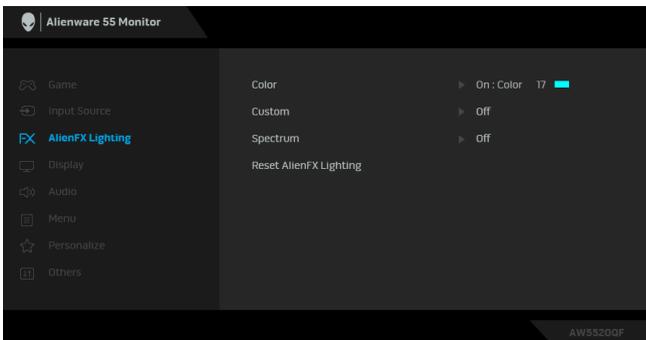
Reset Input Source (Đặt Lại Nguồn Đầu Vào)

Đặt lại tất cả các cài đặt mục trong menu **Input Source (Nguồn Đầu Vào)** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.

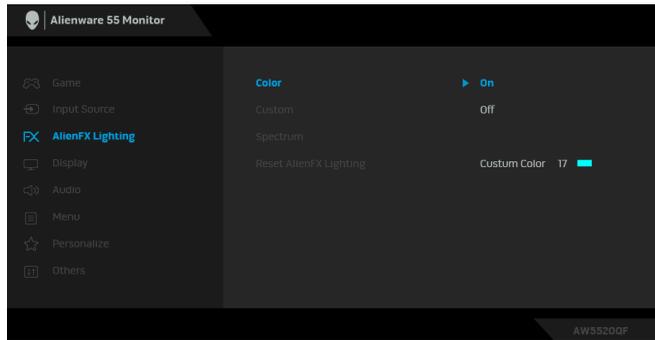


AlienFX Lighting (Ánh sáng AlienFX)

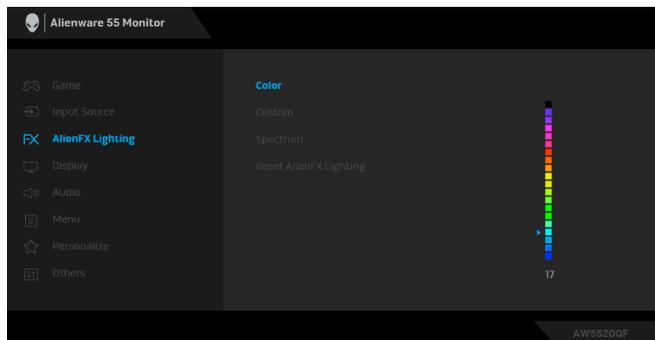
Sử dụng menu này để điều chỉnh cài đặt đèn LED cho nút Nguồn, logo Alienware và dải đèn trên nắp I/O.



Color (Màu) Để chỉ định màu sáng LED, hãy chọn **On (Bật)** và di chuyển xuống để làm nổi bật tùy chọn **Custom Color (Màu Tùy Chỉnh)**.



Sau đó chọn từ danh sách 20 màu có sẵn.



Bảng dưới đây miêu tả số màu và mã RGB được sử dụng cho 20 màu LED.

Số	R	G	B
1	0	0	0
2	100	0	240
3	144	0	240
4	240	0	240
5	240	0	176
6	240	0	112
7	240	0	0
8	240	80	0
9	240	128	0
10	240	224	0
11	120	240	0
12	160	240	0
13	100	245	35
14	0	240	0
15	0	240	85
16	70	240	145
17	0	240	240
18	0	160	240
19	0	96	240
20	0	0	240

Để tắt chức năng ánh sáng LED, hãy chọn **Off (Tắt)**.

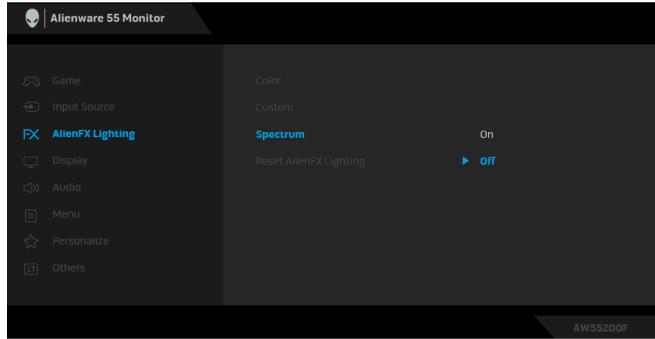
CHÚ Ý: Chức năng này chỉ có sẵn khi **Spectrum (Quang phổ)** bị vô hiệu hóa.

Custom (Tùy Chọn)

Đó là menu chỉ đọc. Khi bạn sử dụng **Color (Màu)** hoặc **Spectrum (Quang phổ)** để thực hiện điều chỉnh ánh sáng LED, trạng thái menu này hiển thị **Off (Tắt)**; khi bạn thực hiện điều chỉnh ánh sáng LED thông qua ứng dụng AlienFX, trạng thái sẽ thay đổi thành **On (Bật)**.

Spectrum (Quang phổ)

Khi chọn **On (Bật)**, đèn LED sáng lên và thay đổi màu sắc theo dãy quang phổ: đỏ, cam, vàng, xanh lục, xanh lam và tím.



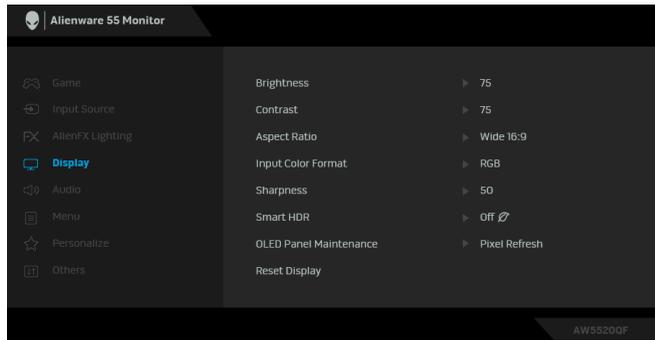
Reset AlienFX Lighting (Đặt lại ánh sáng AlienFX)

Đặt lại tất cả các cài đặt mục trong menu **AlienFX Lighting (Ánh sáng AlienFX)** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.



Display (Hiển Thị)

Sử dụng **Display (Hiển Thị)** để điều chỉnh ảnh.



Brightness (Độ sáng)

Brightness (Độ sáng) điều chỉnh độ sáng của đèn nền.

Sử dụng các nút điều hướng (lên và xuống) để tăng hoặc giảm mức sáng (tối thiểu 0/tối đa 100).

Contrast (Độ tương phản)	<p>Trước tiên, điều chỉnh Brightness (Độ sáng), sau đó điều chỉnh Contrast (Độ tương phản) chỉ khi cần điều chỉnh thêm.</p> <p>Sử dụng các nút điều hướng (lên và xuống) để tăng hoặc giảm độ tương phản (tối thiểu 0/tối đa 100)</p> <p>Chức năng Contrast (Độ tương phản) điều chỉnh mức độ khác nhau giữa độ tối và độ sáng trên màn hình.</p>
Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)	<p>Điều chỉnh tỷ lệ hình ảnh sang Wide 16:9 (Rộng 16:9), Auto Resize (Kích Cỡ Tự Động), 4:3, hoặc 1:1.</p>
Input Color Format (Định Dạng Màu Đầu Vào)	<p>Cho phép bạn thiết lập chế độ đầu vào video sang:</p> <p>RGB: Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính (hoặc đầu phát) bằng cáp DP hoặc HDMI.</p> <p>YPbPr: Chọn tùy chọn này nếu đầu phát của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr.</p>
Sharpness (Độ Nét)	<p>Tính năng này có thể làm cho hình ảnh trông sắc nét hơn hoặc mềm hơn. Sử dụng các nút điều hướng (lên và xuống) để tăng hoặc giảm mức độ sắc nét từ 0 đến 100.</p>
Smart HDR (HDR thông minh)	<p>Menu HDR Thông Minh (High Dynamic Range) tăng cường công suất hiển thị bằng cách điều chỉnh độ tương phản tối ưu và phạm vi màu và độ sáng tương tự như hình ảnh thực. Cài đặt mặc định là Off (Tắt). Bạn có thể đặt chế độ HDR Thông Minh sang:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Desktop (Máy tính bàn): Thích hợp để sử dụng màn hình với máy tính bàn. • Movie HDR (HDR Phim): Thích hợp cho việc phát lại nội dung video HDR. • Game HDR (HDR Game): Thích hợp để chơi các trò chơi tương thích với HDR. Hiển thị cảnh thực tế hơn và làm cho trải nghiệm chơi game sống động và vui vẻ. • Reference (Tham chiếu): Hiển thị gam màu gốc của màn hình OLED. <p>CHÚ Ý: Khi màn hình đang xử lý nội dung HDR, Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước) và Brightness (Độ sáng) sẽ bị vô hiệu.</p>

OLED Panel Maintenance (Bảo trì màn hình OLED)

Menu **OLED Panel Maintenance (Bảo trì màn hình OLED)** không cho màn hình giữ lại hình ảnh bằng cách cung cấp các chức năng sau:

- **Pixel Refresh (Làm Mới Pixel):** Để giảm khả năng lưu ảnh tạm thời trên màn hình, bạn có thể kích hoạt thủ công chức năng này sau khi sử dụng màn hình trong thời gian dài. Mặt khác, chức năng sẽ tự động kích hoạt khi bạn đã dùng màn hình được vài giờ. Quy trình này sẽ mất khoảng 5 phút để hoàn thành.

CHÚ Ý: Đèn báo nguồn LED nhấp nháy màu xanh trong quá trình làm mới.

- **Panel Refresh (Làm Mới Màn Hình):** Để ngăn việc lưu ảnh vĩnh viễn do nội dung tĩnh gây ra khi bạn sử dụng màn hình trong thời gian dài, bạn có thể kích hoạt thủ công chức năng này để làm mới các pixel. Mặt khác, chức năng này sẽ kích hoạt tự động khi thời gian sử dụng cộng dồn vượt quá cài đặt mặc định của nhà máy. Quá trình này mất khoảng một giờ để hoàn thành.

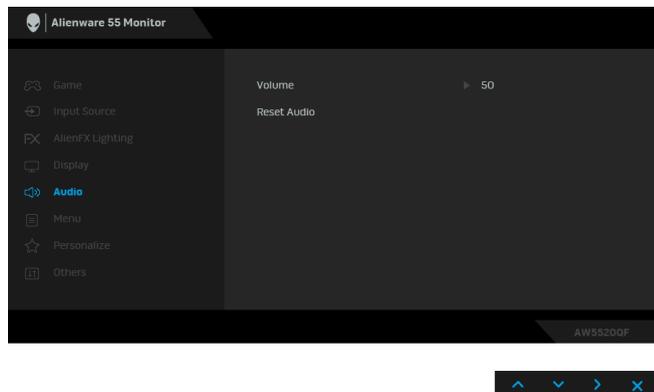
CHÚ Ý: Đèn báo nguồn LED nhấp nháy màu xanh sau đó chuyển sang nhấp đỏ trong quá trình làm mới.

Reset Display (Cài Đặt Lại Hiển Thị)

Đặt lại tất cả các cài đặt mục trong menu **Display (Hiển Thị)** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.



Audio (Âm thanh)



Volume (Âm lượng)

Cho phép bạn đặt mức âm lượng đầu ra tai nghe và loa. Sử dụng các nút điều hướng (lên và xuống) để điều chỉnh mức âm lượng từ 0 tới 100.

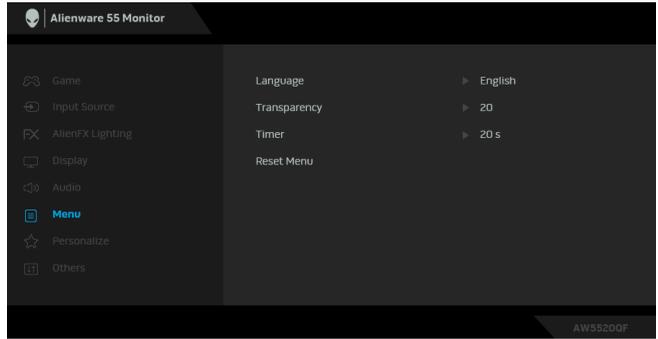
Reset Audio (Đặt lại âm thanh)

Đặt lại tất cả các cài đặt mục trong menu **Audio (Âm thanh)** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.



Menu

Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các cài đặt của OSD, chẳng hạn như, các ngôn ngữ của OSD, số thời gian menu vẫn còn trên màn hình, và vân vân.



Language (Ngôn ngữ)

Đặt màn hình hiển thị OSD về một trong tám ngôn ngữ (Tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha, Nga, Tiếng Trung Quốc, hay Nhật Bản).

Transparency (Độ trong suốt)

Sử dụng các nút điều hướng (lên và xuống) để thay đổi độ trong suốt của menu (tối thiểu 0/tối đa 100).

Timer (Hẹn giờ)

Đặt độ dài thời gian OSD vẫn hoạt động sau khi bạn nhấn nút.

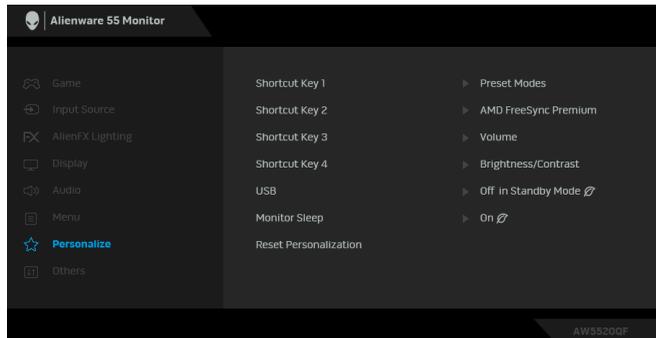
Sử dụng các nút điều hướng (lên và xuống) để điều chỉnh thanh trượt với mức tăng là 1 giây, từ 5 đến 60 giây.

Reset Menu (Đặt Lại Menu)

Đặt lại tất cả các cài đặt mục trong menu **Menu** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.



Personalize (Cá nhân hóa)



Shortcut Key 1 (Phím tắt 1)	Cho phép bạn chọn một tính năng từ Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước) , Game Enhance Mode (Chế độ Tăng cường Trò chơi) , AMD FreeSync Premium, Dark Stabilizer (Bộ ổn định cảnh tối) , Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản) , Input Source (Nguồn Đầu Vào) , Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình) , Volume (Âm lượng) , hoặc Smart HDR (HDR thông minh) và đặt làm phím tắt.
Shortcut Key 2 (Phím tắt 2)	
Shortcut Key 3 (Phím tắt 3)	
Shortcut Key 4 (Phím tắt 4)	

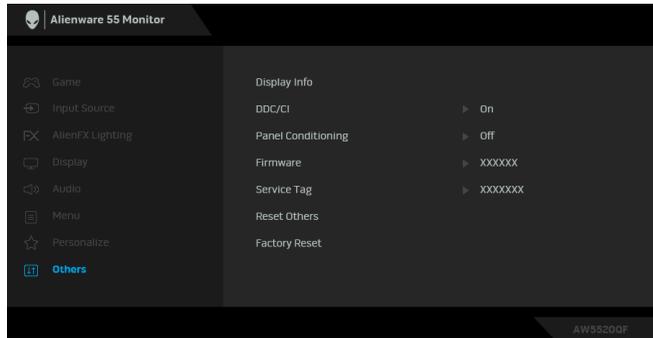
USB Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng USB trong chế độ chờ màn hình.

CHÚ Ý: BẬT/TẮT USB trong chế độ chờ chỉ có sẵn khi cáp USB kết nối máy tính được rút. Tùy chọn này sẽ có màu xám khi cáp USB kết nối với máy tính được cắm vào.

Monitor Sleep (Màn Hình Ngủ) Cho phép bạn để màn hình tự động tắt hoặc vẫn bật khi máy tính vào chế độ ngủ. Khi **On (Bật)** được chọn, màn hình vào chế độ chờ khi hệ thống ngủ; khi **Off (Tắt)** được chọn, bạn có thể không cho màn hình tắt khi hệ thống ngủ để khôi phục hiển thị nhanh khi đánh thức từ máy tính.

Reset Personalization (Đặt lại Cá nhân hóa) Đặt lại tất cả các cài đặt mục trong menu **Personalize (Cá nhân hóa)** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.

Others (Khác)



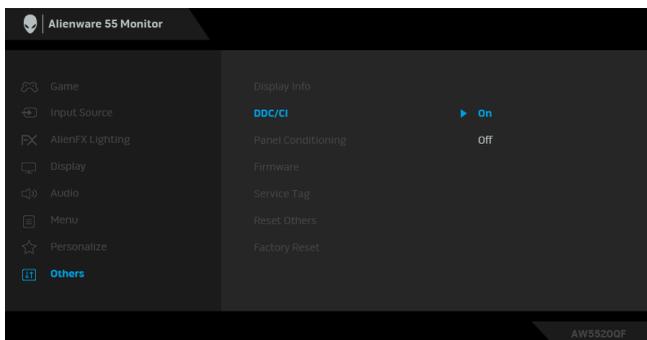
Display Info (Thông tin hiển thị) Hiển thị phần cài đặt hiện tại của màn hình.

DDC/CI

DDC/CI (Kênh Dữ Liệu Hiển Thị/Giao Diện Lệnh) cho phép bạn giám sát các thông số màn hình (độ sáng, cân bằng màu, và v.v) có thể được điều chỉnh qua phần mềm trên máy tính của bạn.

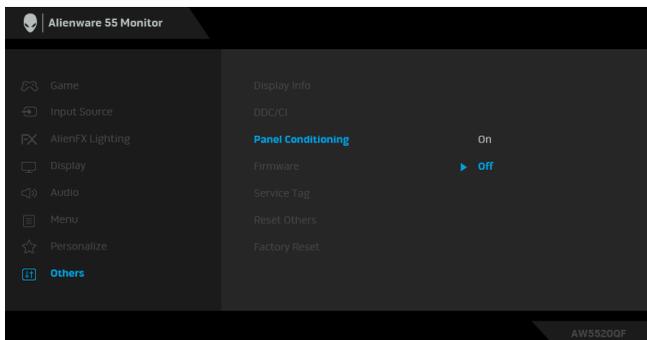
Bạn có thể vô hiệu tính năng này bằng cách chọn **Off (Tắt)**.

Bật tính năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và có hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.



Panel Conditioning (Bảo dưỡng màn hình)

Giúp giảm bớt hiện tượng lưu ảnh. Tùy thuộc vào mức độ của hiện tượng lưu ảnh, chương trình có thể mất một lúc để chạy. Bạn có thể bật tính năng này bằng cách chọn **On (Bật)**.



Firmware (Phần mềm)

Hiển thị phần mềm vi chương trình của màn hình.

Service Tag (Thẻ dịch vụ)

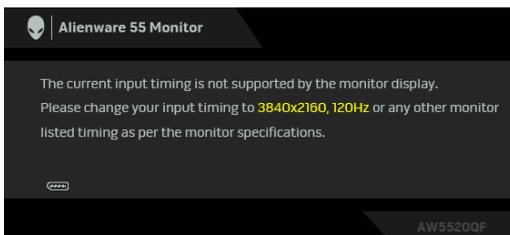
Hiển thị thẻ dịch vụ của màn hình. Chuỗi này được yêu cầu khi bạn cần hỗ trợ qua điện thoại, kiểm tra tình trạng bảo hành, cập nhật trình điều khiển trên trang web của Dell, v.v.

Reset Others (Đặt lại khác) Đặt lại tất cả các cài đặt mục trong menu **Others (Khác)** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.

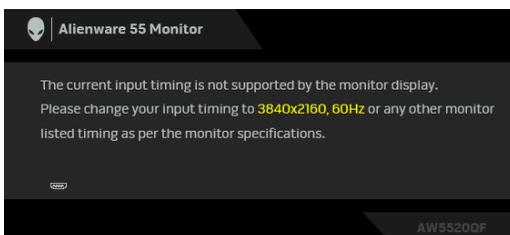
Factory Reset (Khôi Phục Cài Đặt Gốc) Đặt lại cả các cài đặt OSD về mặc định của nhà máy.

Thông báo cảnh báo OSD

Khi màn hình không hỗ trợ chế độ độ phân giải cụ thể nào đó, bạn sẽ thấy có thông báo sau:



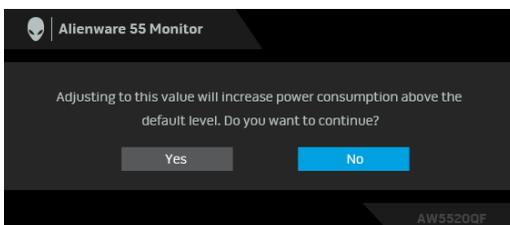
hoặc



CHÚ Ý: Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.

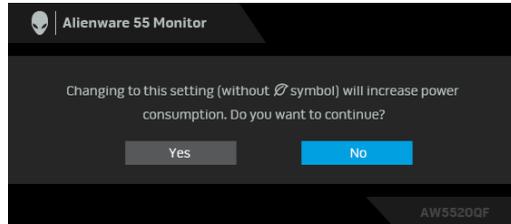
Điều này có nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với các tín hiệu mà nó nhận được từ máy tính. Xem [Thông số màn hình](#) để biết phạm vi tần số ngang và dọc mà màn hình này có thể xử lý được. Chế độ khuyến dùng là 3840 x 2160.

Khi bạn điều chỉnh mức **Brightness (Độ sáng)** trên mức mặc định cho lần đầu tiên, thông báo sau sẽ xuất hiện:



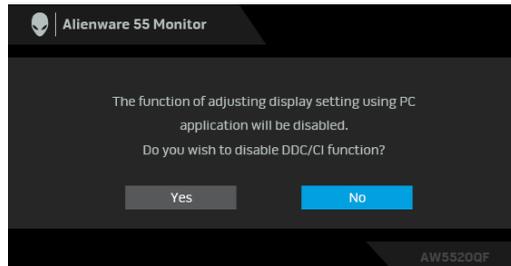
CHÚ Ý: Nếu bạn chọn Yes (Có), thông báo sẽ không xuất hiện vào lần tới khi bạn có ý định thay đổi cài đặt Brightness (Độ sáng).

Khi bạn thay đổi tùy chọn cài đặt mặc định của các tính năng tiết kiệm pin lần đầu tiên, chẳng hạn như **Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)**, **Smart HDR (HDR thông minh)**, **USB**, hoặc **Monitor Sleep (Màn Hình Ngủ)**, hộp thoại sau xuất hiện:

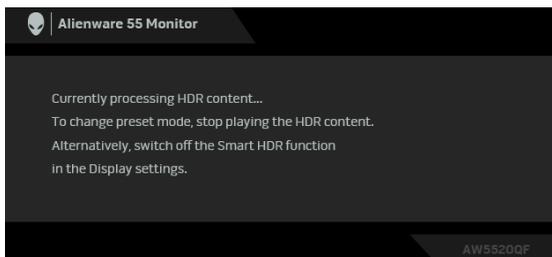


CHÚ Ý: Nếu bạn chọn Yes (Có) cho một trong các tính năng được đề cập ở trên, thông báo sẽ không xuất hiện vào lần tới khi bạn có ý định thay đổi cài đặt của các tính năng này. Khi bạn khôi phục cài đặt gốc, thông báo sẽ xuất hiện lại.

Bạn sẽ thấy thông báo sau trước khi chức năng DDC/CI bị tắt:



Khi **Smart HDR (HDR thông minh)** được kích hoạt và bạn muốn thay đổi chế độ cài đặt trước, thông báo sau xuất hiện:



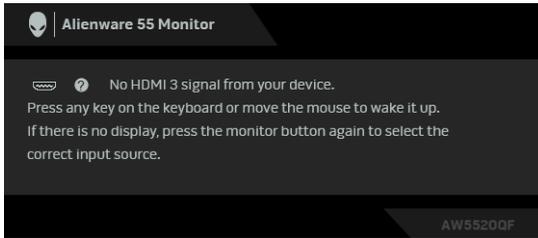
Khi màn hình vào Chế độ chờ, thông báo sau sẽ xuất hiện:



Bật máy tính và đánh thức màn hình để truy cập vào **OSD**.

CHÚ Ý: Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.

OSD chỉ hoạt động trong chế độ hoạt động bình thường. Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ngoại trừ nút nguồn trong Chế độ chờ, thông báo sau sẽ xuất hiện tùy thuộc vào đầu vào được chọn:



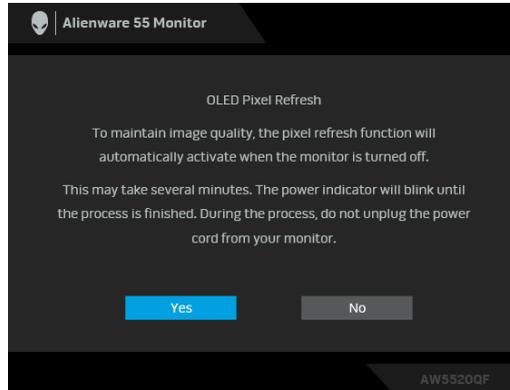
CHÚ Ý: Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.

Nếu đầu vào HDMI hoặc DP được chọn và cáp tương ứng không được kết nối, một hộp thoại nổi như hình dưới đây sẽ xuất hiện:



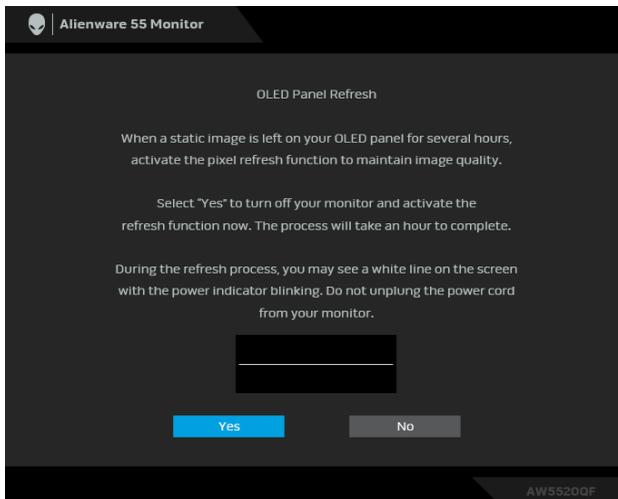
CHÚ Ý: Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.

Khi **Pixel Refresh (Làm Mới Pixel)** được chọn, thông báo sau sẽ xuất hiện:



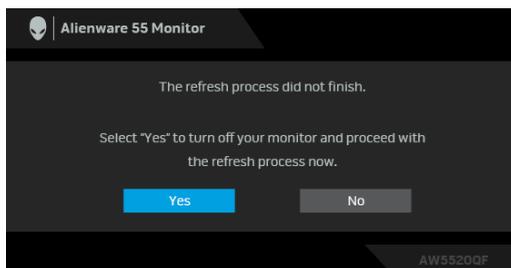
Chọn **Yes (Có)** và quá trình làm mới sẽ tự động chạy sau khi tắt màn hình. Quy trình này sẽ mất khoảng 5 phút để hoàn thành.

Khi **Panel Refresh (Làm Mới Màn Hình)** được chọn, thông báo sau sẽ xuất hiện:



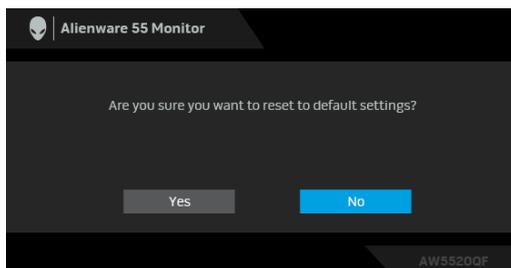
Chọn **Yes (Có)** và quá trình làm mới sẽ tự động chạy. Quá trình này mất khoảng một giờ để hoàn thành.

Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ngoài nút nguồn trên màn hình hoặc điều khiển từ xa trong quá trình chạy **Pixel Refresh (Làm Mới Pixel)** hoặc **Panel Refresh (Làm Mới Màn Hình)**, thông báo sau xuất hiện:



CHÚ Ý: Nếu bạn nhấn phím Nguồn trên màn hình hoặc điều khiển từ xa trong quá trình chạy Pixel Refresh (Làm Mới Pixel) hoặc Panel Refresh (Làm Mới Màn Hình), màn hình sẽ bị tắt. Lần tới khi bạn bật màn hình, hộp thoại hiển thị ở trên sẽ xuất hiện lại để thông báo cho bạn về việc tiếp tục quá trình làm mới.

Khi **Factory Reset (Khôi Phục Cài Đặt Gốc)** được chọn, thông báo sau sẽ xuất hiện:



Xem [Xử lý sự cố](#) để biết thêm thông tin.

Cài đặt độ phân giải tối đa

Để đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trong Windows 7, Windows 8, và Windows 8.1:

1. Chỉ với Windows 8 và Windows 8.1, chọn ô Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Độ Phân Giải Màn Hình**.
3. Nhấp vào danh sách Thả Xuống của Độ Phân Giải Màn Hình và chọn **3840 x 2160**.
4. Nhấp vào **OK**.

Trong Windows 10:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Cài đặt màn hình**.
2. Nhấp vào **Thiết đặt hiển thị nâng cao**.
3. Nhấp vào danh sách của **Độ phân giải** và chọn **3840 x 2160**.
4. Nhấp vào **Áp dụng**.

Nếu bạn không nhìn thấy tùy chọn 3840 x 2160, bạn có thể cần phải cập nhật trình điều khiển đồ họa của bạn. Tùy thuộc vào máy tính của bạn, hãy hoàn thành một trong các bước sau đây:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Truy cập vào **www.dell.com/support**, nhập thẻ dịch vụ, và tải về trình điều khiển mới nhất cho các đồ họa của bạn.

Nếu máy tính của bạn không phải là máy Dell (laptop hoặc để bàn):

- Đi đến trang web hỗ trợ cho máy tính của bạn và tải về các trình điều khiển đồ họa mới nhất.
- Đi đến trang web các đồ họa của bạn và tải về các trình điều khiển đồ họa mới nhất.

Yêu cầu để xem hoặc phát lại nội dung HDR

1. qua Ultra BluRay DVD hoặc bảng điều khiển trò chơi

Đảm bảo đầu DVD và bảng điều khiển trò chơi có khả năng phát HDR, ví dụ như Panasonic DMP-UB900, x-Box One S, PS4 Pro. Tải xuống và cài đặt trình điều khiển card đồ họa thích hợp (cho các ứng dụng PC), xem bên dưới.

2. qua PC

Đảm bảo card đồ họa được sử dụng có khả năng phát HDR, ví dụ HDMI2.0a (với tùy chọn HDR) tuân thủ và trình điều khiển đồ họa HDR được cài đặt. Phải sử dụng ứng dụng phát có khả năng HDR, ví dụ như ứng dụng Cyberlink PowerDVD 17, Windows 10 Movies and TV.

Ví dụ như Dell XPS 8910, Alienware Aurora R5, đi kèm với các card đồ họa dưới đây.

Trình điều khiển đồ họa Dell có hỗ trợ HDR: Tham khảo trang hỗ trợ của Dell để tải xuống trình điều khiển đồ họa mới nhất hỗ trợ phát HDR cho PC/Notebook của bạn.

Nvidia

Card đồ họa NVIDIA có khả năng HDR: GTX1070, GTX1080, P5000, P6000, v.v. Để có đầy đủ các loại card đồ họa NVIDIA có khả năng HDR, hãy tham khảo trang web của NVIDIA www.nvidia.com

Trình điều khiển hỗ trợ chế độ Phát Lại Toàn Màn Hình (ví dụ: trò chơi PC, trình phát UltraBluRay), HDR trên Hệ điều hành Win 10 Redstone 2: 381.65 hoặc các phiên bản cao hơn.

AMD

Card đồ họa AMD có khả năng HDR: RX480, RX470, RX460, WX7100, WX5100, WX4100, v.v. Để có đầy đủ các loại card đồ họa AMD có khả năng HDR, hãy tham khảo www.amd.com. Kiểm tra thông tin hỗ trợ trình điều khiển HDR và tải xuống trình điều khiển mới nhất từ www.amd.com.

Intel (Đồ họa tích hợp Integrated)

- Hệ thống có khả năng HDR: CannonLake hoặc mới hơn
- Đầu phát HDR phù hợp: Ứng dụng Windows 10 Movies and TV
- Hệ điều hành hỗ trợ HDR: Windows 10 Redstone 3
- Trình điều khiển hỗ trợ HDR: truy cập downloadcenter.intel.com để có trình điều khiển HDR mới nhất

 **CHÚ Ý: Phát lại HDR qua hệ điều hành (ví dụ: phát lại HDR trong cửa sổ trong máy tính để bàn) yêu cầu Win 10 Redstone 2 trở lên với các ứng dụng trình phát thích hợp, ví dụ PowerDVD17. Phát lại nội dung được bảo vệ sẽ yêu cầu phần mềm DRM và/hoặc phần cứng thích hợp, ví dụ như Microsoft Playready™. Tham khảo trang web của Microsoft để biết thông tin hỗ trợ HDR.**

Sử dụng ứng dụng AlienFX

Bạn có thể cấu hình hiệu ứng ánh sáng LED trên nhiều vùng khác nhau trên màn hình Alienware thông qua AlienFX trong AWCC (Alienware Command Center).

 **CHÚ Ý: Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Alienware Gaming, hãy sử dụng AWCC để điều khiển đèn.**

 **CHÚ Ý: Để biết thêm thông tin, hãy xem Trợ giúp trực tuyến của Alienware Command Center.**

Điều kiện tiên quyết

Trước khi cài đặt AWCC trên hệ thống không phải của Alienware:

- Đảm bảo hệ điều hành của máy tính là Windows 10 R3 trở lên.
- Đảm bảo có kết nối Internet đang hoạt động.
- Đảm bảo cáp USB được cung cấp được kết nối với cả màn hình Alienware và máy tính.

Cài đặt AWCC thông qua bản cập nhật Windows

1. Ứng dụng AWCC được tải xuống và sẽ được cài đặt tự động. Mất khoảng vài phút để hoàn thành cài đặt.
2. Điều hướng đến thư mục chương trình để đảm bảo việc cài đặt thành công. Ngoài ra, bạn có thể tìm thấy ứng dụng AWCC trong menu **Bắt đầu**.
3. Khởi chạy AWCC và thực hiện các bước sau để tải xuống các thành phần phần mềm bổ sung:
 - bên trong cửa sổ **Cài đặt**, nhấp **Windows Update** và sau đó nhấp **Kiểm tra cập nhật** để kiểm tra tiến trình cập nhật trình điều khiển Alienware.
 - Nếu bản cập nhật trình điều khiển không phản hồi trong máy tính của bạn, hãy cài đặt AWCC từ trang web Hỗ trợ của Dell.

Cài đặt AWCC từ trang web Hỗ trợ của Dell

1. Nhập AW5520QF vào trường truy vấn tại www.dell.com/support/drivers và tải xuống phiên bản mới nhất của các mục sau:
 - Ứng dụng Alienware Command Center
 - Trình điều khiển Alienware Gaming Monitor Control Center
2. Điều hướng đến thư mục mà bạn đã lưu các tệp cài đặt.
3. Bấm đúp vào tệp cài đặt và làm theo các hướng dẫn trên màn hình để hoàn tất cài đặt.

Điều hướng cửa sổ AlienFX

Với Alienware Command Center, AlienFX cho phép bạn kiểm soát màu sắc ánh sáng LED và hiệu ứng chuyển tiếp cho màn hình Alienware.

Trong màn hình chính AWCC, nhấp vào **FX** trong thanh menu trên cùng để truy cập màn hình chính của AlienFX.

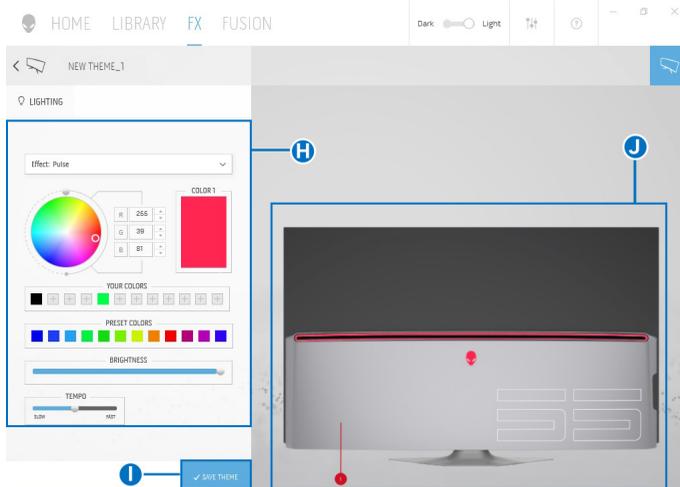


Bảng sau đây mô tả các chức năng và tính năng trên màn hình chính:

Số	Chức năng	Mô tả
A	CREATE NEW THEME... (TẠO CHỦ ĐỀ MỚI...)	Nhấp chuột <input type="text"/> và sau đó nhập tên vào hộp văn bản để thêm chủ đề.
B	Điều khiển Chính sửa	<ul style="list-style-type: none">• EDIT (CHỈNH SỬA): Cung cấp các tùy chọn để tùy chỉnh các cài đặt ánh sáng cho chủ đề.• GO DIM (LÀM MỜ): Làm ánh sáng mờ hơn.• GO DARK (LÀM TỐI): Tắt đèn.
C	Thành phần chủ đề	Bạn có thể sử dụng các thành phần này (LIGHTING (ÁNH SÁNG) , MACROS (MACRO) , SETTINGS (CÀI ĐẶT)) để đặt chủ đề được chọn làm chủ đề hoạt động.
D	Danh sách THEMES (CHỦ ĐỀ)	Hiển thị các chủ đề trong chế độ xem danh sách hoặc xem lưới.
E	Điều khiển nền	Điều chỉnh các hiệu ứng hoạt hình nền.
F	Trợ Giúp	Nhấp vào để truy cập Trợ giúp trực tuyến AWCC.

- G** Điều khiển cửa sổ Bạn có thể dùng các nút để thu nhỏ, phóng to hoặc khôi phục kích thước của cửa sổ. Khi **×** được chọn, ứng dụng sẽ đóng.

Khi bắt đầu tùy chỉnh chủ đề, bạn sẽ thấy màn hình sau:



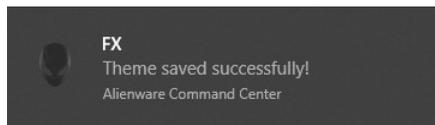
Bảng sau đây mô tả các chức năng và tính năng trên màn hình:

Số	Chức năng	Mô tả
H	Bảng LIGHTING (ÁNH SÁNG)	Sử dụng các điều khiển trong bảng này để thiết lập hiệu ứng ánh sáng cho chủ đề. Xem Thiết lập hiệu ứng ánh sáng để biết thêm chi tiết.
I	SAVE THEME (LƯU CHỦ ĐỀ)	Nhấn vào đây để lưu tất cả các điều chỉnh và thay đổi cho chủ đề.
J	Xem trước trực tiếp	Các khu vực chiếu sáng với các chú thích được đánh số. Bạn có thể chọn một vùng bằng cách nhấp vào số trên hình ảnh. Khi thực hiện điều chỉnh ánh sáng, bản xem trước của màn hình sẽ hiển thị các hiệu ứng mới đồng thời.

Tạo chủ đề

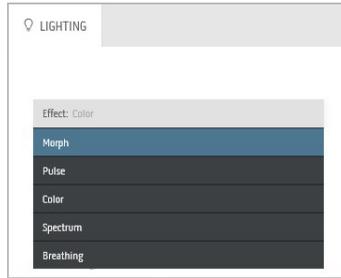
Để tạo chủ đề với các cài đặt ánh sáng ưa thích của bạn:

1. Khởi động AWCC.
 2. Nhấp chuột vào **FX** trong thanh menu trên cùng để truy cập màn hình chính của AlienFX.
 3. Ở góc trên bên trái của cửa sổ, nhấp vào  để tạo chủ đề mới.
 4. Bên trong hộp văn bản **CREATE NEW THEME (TẠO CHỦ ĐỀ MỚI)**, nhập tên chủ đề.
 5. Chỉ định (các) vùng chiếu sáng mà bạn muốn điều chỉnh ánh sáng bằng cách:
 - chọn hộp kiểm vùng phía trên khu vực xem trước trực tiếp hoặc
 - nhấp vào chú thích được đánh số trên hình ảnh của màn hình
 6. bên trong bảng **LIGHTING (ÁNH SÁNG)**, chọn hiệu ứng ánh sáng ưa thích từ danh sách thả xuống, bao gồm **Morph (Kỹ xảo)**, **Pulse (Xung)**, **Color (Màu)**, **Spectrum (Quang phổ)** và **Breathing (Nhịp thở)**. Xem [Thiết lập hiệu ứng ánh sáng](#) để biết thêm chi tiết.
-  **CHÚ Ý:** Tùy chọn **Spectrum (Quang phổ)** chỉ khả dụng khi bạn chọn **All Zones (Tất cả các vùng)** để điều chỉnh ánh sáng.
7. Lặp lại bước 5 và bước 6 để có thêm nhiều tùy chọn cấu hình theo sở thích của bạn.
 8. Khi hoàn tất, nhấp **SAVE THEME (LƯU CHỦ ĐỀ)**. Một thông báo bật lên ở góc dưới bên phải của màn hình.



Thiết lập hiệu ứng ánh sáng

Bảng **LIGHTING (ÁNH SÁNG)** cung cấp các hiệu ứng ánh sáng khác nhau. Bạn có thể nhấp vào **Effect (Hiệu ứng)** để mở menu thả xuống với các tùy chọn có sẵn.

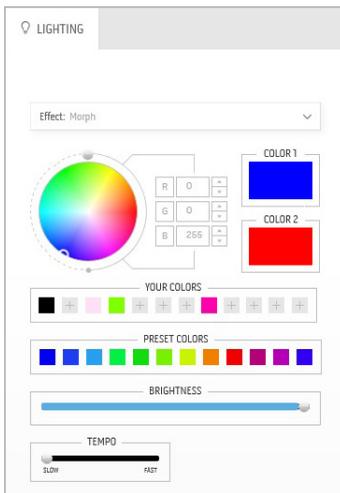


CHÚ Ý: Các tùy chọn hiển thị có thể khác nhau tùy thuộc vào (các) vùng chiếu sáng bạn đã chỉ định.

Bảng dưới đây cung cấp tổng quan về các tùy chọn khác nhau:

Morph (Kỹ xảo)

Mô tả



Hiệu ứng làm thay đổi màu sắc ánh sáng thành màu khác thông qua quá trình chuyển đổi liên mạch.

Để thực hiện các điều chỉnh:

1. Chọn màu ưa thích từ bảng màu hoặc danh sách **PRESET COLORS (MÀU ĐẶT SẴN)**. Màu được chọn và mã màu RGB sẽ được hiển thị ở trường bên phải.

CHÚ Ý: Để thay đổi màu sắc, sử dụng các nút mũi tên lên và xuống bên cạnh hộp R/G/B để chỉnh sửa mã màu.

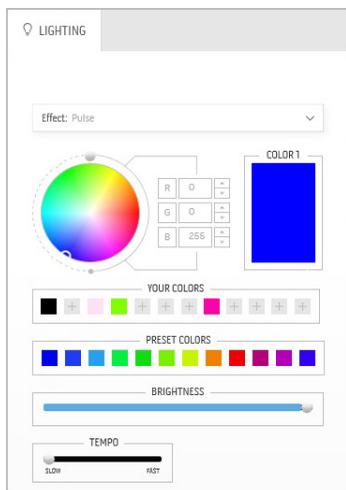
2. Để thêm màu đã chọn vào danh sách **YOUR COLORS (MÀU CỦA BẠN)** để sau này có thể truy cập nhanh, nhấp vào . Có thể thêm tối đa 12 màu vào danh sách.

CHÚ Ý: Nhấp chuột phải vào chip màu hiện có để xóa khỏi danh sách.

3. Lặp lại các bước trước để chỉ định **Color 2 (Màu 2)** là màu sáng kết thúc.
4. Kéo thanh trượt **BRIGHTNESS (ĐỘ SÁNG)** để điều chỉnh độ sáng màu.
5. Kéo thanh trượt **TEMPO (NHỊP ĐỘ)** để điều chỉnh tốc độ chuyển tiếp.

Pulse (Xung)

Mô tả



Hiệu ứng này làm cho đèn nhấp nháy với khoảng tạm dừng ngắn.

Để thực hiện các điều chỉnh:

1. Chọn màu ưa thích từ bảng màu hoặc danh sách **PRESET COLORS (MÀU ĐẶT SẴN)**. Màu được chọn và mã màu RGB sẽ được hiển thị ở trường bên phải.

CHÚ Ý: Để thay đổi màu sắc, sử dụng các nút mũi tên lên và xuống bên cạnh hộp R/G/B để chỉnh sửa mã màu.

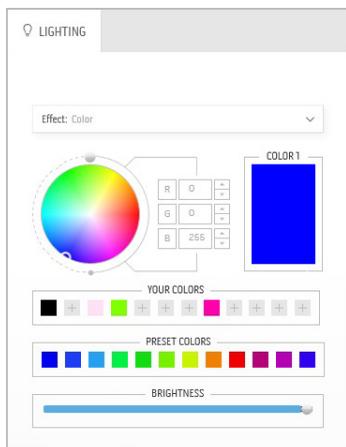
2. Để thêm màu đã chọn vào danh sách **YOUR COLORS (MÀU CỦA BẠN)** để sau này có thể truy cập nhanh, nhấp vào . Có thể thêm tối đa 12 màu vào danh sách.

CHÚ Ý: Nhấp chuột phải vào chip màu hiện có để xóa khỏi danh sách.

3. Kéo thanh trượt **BRIGHTNESS (ĐỘ SÁNG)** để điều chỉnh độ sáng màu.
4. Kéo thanh trượt **TEMPO (NHỊP ĐỘ)** để điều chỉnh tốc độ xung.

Color (Màu)

Mô tả



Hiệu ứng này đặt đèn LED ở một màu tĩnh duy nhất.

Để thực hiện các điều chỉnh:

1. Chọn màu ưa thích từ bảng màu hoặc danh sách **PRESET COLORS (MÀU ĐẶT SẴN)**. Màu được chọn và mã màu RGB sẽ được hiển thị ở trường bên phải.

CHÚ Ý: Để thay đổi màu sắc, sử dụng các nút mũi tên lên và xuống bên cạnh hộp R/G/B để chỉnh sửa mã màu.

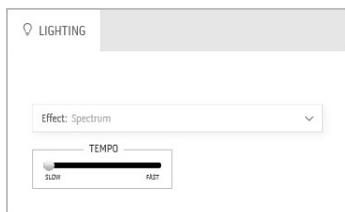
2. Để thêm màu đã chọn vào danh sách **YOUR COLORS (MÀU CỦA BẠN)** để sau này có thể truy cập nhanh, nhấp vào . Có thể thêm tối đa 12 màu vào danh sách.

CHÚ Ý: Nhấp chuột phải vào chip màu hiện có để xóa khỏi danh sách.

3. Kéo thanh trượt **BRIGHTNESS (ĐỘ SÁNG)** để điều chỉnh độ sáng màu.

Spectrum (Quang phổ)

Mô tả



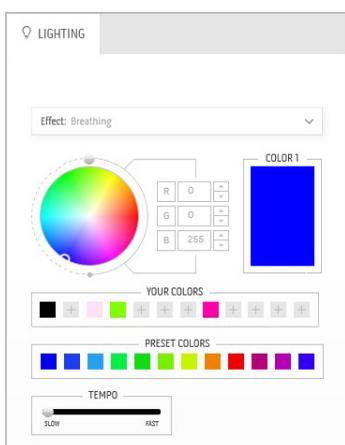
Hiệu ứng làm thay đổi màu sắc theo dãy quang phổ: đỏ, cam, vàng, xanh lục, xanh lam, chàm và tím.

Bạn có thể kéo thanh trượt **TEMPO (NHỊP ĐỘ)** để điều chỉnh tốc độ chuyển tiếp.

CHÚ Ý: Tùy chọn này chỉ sử dụng được khi bạn chọn **All Zone (Tất cả các vùng)** để điều chỉnh ánh sáng.

Breathing (Nhịp thở)

Mô tả



Hiệu ứng làm cho ánh sáng thay đổi từ sáng sang mờ.

Để thực hiện các điều chỉnh:

1. Chọn màu ưa thích từ bảng màu hoặc danh sách **PRESET COLORS (MÀU ĐẶT SẴN)**. Màu được chọn và mã màu RGB sẽ được hiển thị ở trường bên phải.

CHÚ Ý: Để thay đổi màu sắc, sử dụng các nút mũi tên lên và xuống bên cạnh hộp R/G/B để chỉnh sửa mã màu.

2. Để thêm màu đã chọn vào danh sách **YOUR COLORS (MÀU CỦA BẠN)** để sau này có thể truy cập nhanh, nhấp vào . Có thể thêm tối đa 12 màu vào danh sách.
3. Kéo thanh trượt **TEMPO (NHỊP ĐỘ)** để điều chỉnh tốc độ chuyển tiếp.

Xử lý sự cố

⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng Dẫn Về An Toàn](#).

Tự kiểm tra

Màn hình của bạn có tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình của bạn có hoạt động tốt hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, chạy tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện các bước sau:

1. Tắt cả máy tính và màn hình.
2. Ngắt kết nối cáp video khỏi phía sau máy tính. Để đảm bảo Tự kiểm tra hoạt động đúng, tháo tất cả các cáp số khỏi phía sau máy tính.
3. Bật màn hình.

✍ CHÚ Ý: Một hộp thoại sẽ xuất hiện trên màn hình (trên nền đen), nếu màn hình không nhận biết được tín hiệu video và đang hoạt động tốt. Trong khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn nháy có màu xanh(màu mặc định).



✍ CHÚ Ý: Hộp này cũng xuất hiện trong khi hệ thống hoạt động bình thường nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.

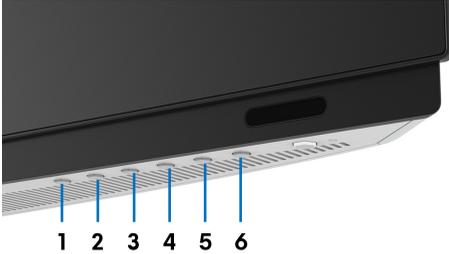
4. Tắt màn hình của bạn và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình.

Nếu màn hình của bạn vẫn trống sau khi đã sử dụng các bước trước đó, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính, do màn hình của bạn vẫn hoạt động tốt.

Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp xác định sự bất thường của màn hình bạn đang gặp phải là do vấn đề của màn hình, hoặc do máy tính và cạc video.

CHÚ Ý: Bạn có thể chạy chẩn đoán tích hợp chỉ khi cạc video được rút bỏ và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.



Để chạy chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có bụi trên bề mặt màn hình).
2. Ngắt kết nối (các) cạc video khỏi phía sau máy tính hoặc màn hình. Khi đó màn hình sẽ vào chế độ tự kiểm tra.
3. Hãy nhấn và giữ **Nút 3** trong khoảng 5 giây. Màn hình màu xám xuất hiện sau 1 giây.
4. Cẩn thận kiểm tra bất thường của màn hình.
5. Nhấn lại **Nút 3**. Màu màn hình đổi sang màu đỏ.
6. Kiểm tra bất thường của màn hình hiển thị.
7. Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra màn hình hiển thị trong màn hình màu xanh lá cây, xanh dương, đen, trắng, và màn hình văn bản.

Việc kiểm tra hoàn tất khi màn hình văn bản xuất hiện. Để thoát, nhấn lại **Nút 3**. Nếu bạn không phát hiện bất kỳ bất thường nào ở màn hình khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp, thì màn hình vẫn hoạt động tốt. Kiểm tra cạc màn hình và máy tính.

Vấn Đề Thường Gặp

Bảng sau có các thông tin chung về các vấn đề bạn thường gặp phải với màn hình và các giải pháp có thể áp dụng:

Các Triệu Chứng Thường Gặp	Vấn Đề Bạn Gặp Phải	Giải Pháp Có Thể Áp Dụng
Không có video/ đèn LED nguồn tắt	Không có ảnh	<ul style="list-style-type: none">Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.Đảm bảo ổ cắm điện hoạt động tốt bằng cách sử dụng thiết bị điện khác.Đảm bảo nút nguồn được nhấn hết cỡ.Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu Input Source (Nguồn Đầu Vào).
Không có video/ đèn LED nguồn bật	Không có ảnh hoặc không có độ sáng	<ul style="list-style-type: none">Tăng điều khiển độ sáng và độ tương phản trong menu Display (Hiển Thị).Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình.Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.Chạy chẩn đoán tích hợp.Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu Input Source (Nguồn Đầu Vào).
Lấy Nét Kém	Hình ảnh bị mờ, lóa hoặc bóng mờ	<ul style="list-style-type: none">Bỏ các cáp video nối dài.Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.Thay đổi độ phân giải video về đúng tỷ lệ khung hình.
Video bị rung/ động	Ảnh lượn sóng hoặc chuyển động nhẹ	<ul style="list-style-type: none">Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.Kiểm tra các yếu tố môi trường.Đặt lại vị trí màn hình và thử ở phòng khác.
Thiếu Điểm Ảnh	Màn hình OLED có các đốm	<ul style="list-style-type: none">Tắt-bật lại nguồn.Điểm ảnh mà bị tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ OLED.Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình, xem trang web Hỗ trợ Dell: www.dell.com/support/monitors.

Điểm ảnh bị bám	Màn hình OLED có các đốm sáng	<ul style="list-style-type: none"> Tắt-bật lại nguồn. Điểm ảnh mà bị tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ OLED. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình, xem trang web Hỗ trợ Dell: www.dell.com/support/monitors.
Vấn Đề Về Độ Sáng	Ảnh mờ hoặc quá sáng	<ul style="list-style-type: none"> Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. Điều chỉnh độ sáng và điều khiển độ tương phản trong menu Display (Hiển Thị).
Méo Hình	Màn hình không được cân giữa chính xác	<ul style="list-style-type: none"> Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.
Đường Kẻ Ngang/Dọc	Màn hình có một hoặc nhiều đường kẻ	<ul style="list-style-type: none"> Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường kẻ này có trong chế độ tự kiểm tra không. Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không. Chạy chẩn đoán tích hợp.
Vấn Đề Về Đồng Bộ	Màn hình bị xô lệch hoặc có vẻ như bị rách	<ul style="list-style-type: none"> Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình xô lệch có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không. Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không. Khởi động lại máy tính trong <i>chế độ an toàn</i>.
Các Vấn Đề Liên Quan Đến An Toàn	Dấu hiệu có thể nhìn thấy khói hoặc lửa	<ul style="list-style-type: none"> Không thực hiện bất kỳ bước xử lý sự cố nào. Liên hệ với Dell ngay.
Các Vấn Đề Chập Chờn	Chập chờn khi bật và tắt màn hình	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách. Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem các vấn đề chập chờn có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không.

Thiếu Màu	Ảnh thị thiếu màu	<ul style="list-style-type: none"> Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình. Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách. Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.
Sai Màu	Màu ảnh không tốt	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi cài đặt của Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước) trong OSD menu Game (Trò chơi) tùy thuộc vào ứng dụng. Điều chỉnh giá trị Gain (Tăng)/Offset (Bù)/Hue (Màu sắc)/Saturation (Độ bão hòa) trong Custom Color (Màu Tùy Chỉnh) trong OSD menu Game (Trò chơi). Chạy chẩn đoán tích hợp.

Vấn Đề Cụ Thể Theo Sản Phẩm

Triệu Chứng Cụ Thể	Vấn Đề Bạn Gặp Phải	Giải Pháp Có Thể Áp Dụng
Hình ảnh màn hình quá nhỏ	Hình ảnh được căn giữa vào màn hình, nhưng không phủ khắp khu vực xem	<ul style="list-style-type: none"> Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.
Không thể điều chỉnh màn hình với các nút trên bảng điều khiển phía trước	OSD không xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại, rồi bật lại màn hình. Menu OSD có thể bị khóa. Nhấn và giữ nút chức năng/Menu bên cạnh nút Nguồn trong 4 giây để mở khóa.
Không có Tín Hiệu Vào khi nhấn các điều khiển người dùng	Không có hình ảnh, đèn LED tắt	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện năng bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần. Khởi động lại máy tính hoặc đầu video.

Hình ảnh không lấp đầy toàn bộ màn hình	Hình ảnh không lấp đầy chiều cao hoặc chiều rộng của màn hình	<ul style="list-style-type: none"> Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình), màn hình có thể hiển thị toàn màn hình. Chạy chẩn đoán tích hợp.
Lưu ảnh từ ảnh tĩnh còn lại trên màn hình trong một thời gian dài	Bóng mờ từ ảnh tĩnh hiển thị xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> Đặt màn hình sang tắt khi màn hình có thời gian không hoạt động sau vài phút. Có thể điều chỉnh trong phần Tùy chọn nguồn của máy Windows hoặc Tiết kiệm Năng lượng của máy Mac.
Độ chói hoặc màu không đều của ảnh màn hình	Thấy có các chấm (trắng hoặc đen) hoặc đường kẻ hoặc lỗi Mura xuất hiện trên màn hình.	<ul style="list-style-type: none"> Ngoài ra, sử dụng bộ bảo vệ màn hình tự động thay đổi. Thực hiện chức năng Pixel Refresh (Làm Mới Pixel) hoặc là Panel Refresh (Làm Mới Màn Hình). Xem OLED Panel Maintenance (Bảo trì màn hình OLED).

Vấn Đề Cụ Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)

Triệu Chứng Cụ Thể	Vấn Đề Bạn Gặp Phải	Giải Pháp Có Thể Áp Dụng
Cổng USB không hoạt động	Thiết bị ngoại vi USB không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra để màn hình của bạn đã được bật. Kết nối lại cáp lên máy tính của bạn. Kết nối các thiết bị ngoại vi USB (kết nối xuống). Tắt rồi bật lại màn hình. Khởi động lại máy tính. Một số thiết bị USB như ổ HDD di động gắn ngoài đòi hỏi có dòng điện cao hơn; kết nối thiết bị trực tiếp vào hệ thống máy tính.
Cổng USB 3.0 tốc độ cực nhanh bị chậm	Thiết bị ngoại vi USB 3.0 tốc độ cực nhanh chạy chậm hoặc không chạy chút nào	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra xem máy tính của bạn có chạy được USB 3.0 không. Một số máy tính có các cổng USB 3.0, USB 2.0, và USB 1.1. Đảm bảo sử dụng đúng cổng USB. Kết nối lại cáp lên máy tính của bạn. Kết nối các thiết bị ngoại vi USB (kết nối xuống). Khởi động lại máy tính.

Thiết bị ngoại vi USB không dây ngừng làm việc khi có thiết bị USB 3.0 được cắm vào	Thiết bị ngoại vi USB không dây đáp ứng chậm hoặc chỉ hoạt động nếu giảm khoảng cách giữa nó và bộ thu của nó	<ul style="list-style-type: none">• Tăng khoảng cách giữa các thiết bị ngoại vi USB 3.0 và bộ nhận USB không dây.• Đặt bộ thu USB không dây của bạn càng gần các thiết bị ngoại vi USB không dây càng tốt.• Sử dụng cáp USB mở rộng để đặt bộ thu USB không dây càng xa cổng USB 3.0 càng tốt.
---	---	--

Phụ Lục

CẢNH BÁO: Hướng Dẫn Về An Toàn

⚠ CẢNH BÁO: Sử dụng điều khiển, điều chỉnh, hoặc các bước ngoài những nội dung được quy định trong tài liệu này có thể dẫn đến bị điện giật, nguy cơ về điện, và/hoặc các mối nguy hiểm cơ học khác.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem Thông tin về An Toàn, Môi Trường Và Quy Định (SERI).

Thông Báo FCC (Chỉ U.S) Và Thông Tin Quy Định Khác

Đối với các thông báo FCC và thông tin quy định khác, xem trang web tuân thủ quy định tại www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ với Dell

Đối với khách hàng ở Hoa Kỳ, gọi 800-WWW-DELL (800-999-3355).

✍ CHÚ Ý: Nếu bạn không có kết nối Internet, bạn có thể tìm thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói, hóa đơn, hoặc danh mục sản phẩm Dell.

Dell cung cấp một số lựa chọn dịch vụ và hỗ trợ qua điện thoại và trực tuyến. Sự sẵn có thay đổi theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có trong khu vực của bạn.

- Hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến: www.dell.com/support/monitors
- Liên hệ Dell: www.dell.com/contactdell

Cơ sở dữ liệu bảng thông tin sản phẩm và nhãn năng lượng của sản phẩm EU

AW5520QF: <https://eprel.ec.europa.eu/qr/347818>